

Tài liệu quý về sự suy vong của vương quốc ChamPa

XÃ HỘI CHAMPA TRƯỚC THẾ KỶ 15

Từ ngày lập quốc đến 1471, năm đánh dấu sự thất thủ thành Vijaya, vấn đề chiến tranh nội bộ vẫn là một yếu tố quan trọng trong tiến trình lịch sử của vương quốc Champa. Trải qua hàng thế kỷ, tư liệu lịch sử cũng đã ghi nhận biết bao biến cố xã hội trong vương quốc này. Tuy nhiên, những tư liệu đó, nhất là các bản văn viết trên bia đá đã được tìm thấy ở Champa, chỉ cho phép chúng ta kết luận rằng mọi xung đột xã hội trước thế kỷ thứ 15 chỉ do một nguyên nhân chính yếu, đó là việc tranh chấp chính trị nhằm độc quyền cai trị trên vương quốc Champa giữa hai dòng tộc của các vua Champa thời trước:

- Dòng tộc cây Cau nắm quyền cai trị tiểu vương quốc Panduranga (Phanrang-Phanri) và Kauthara (Khánh Hòa- Phú Yên) ở miền nam;
- Dòng tộc cây Dừa, nắm quyền cai trị ở phía bắc Champa, đó là Vijaya (Bình Định) Amaravati (Quảng Nam và Quảng Ngãi) và Indrapura (Huế).

Chính vì sự khác biệt nguồn gốc giữa hai dòng tộc cây Cau và cây Dừa này mà các nhà lãnh đạo thường dùng chiến tranh hay vũ lực để tìm lối thoát cho những vấn đề liên quan đến sự sống còn của liên bang Champa (một thể chế chính trị rất gần với thể chế liên bang Mã Lai hôm nay).

Đứng trên phương diện lịch sử mà nói, chiến tranh này chỉ là một phương thức nhằm giải quyết sự xung đột chính trị giữa hai tiểu vương quốc ở miền nam và ba tiểu vương quốc ở miền bắc, chứ không phải là vấn đề nội chiến phát xuất từ mối hiềm thù giữa dân tộc Champa. Chính vì thế, một khi chiến tranh đã chấm dứt, lãnh tụ dòng tộc nào may mắn được làm chủ tình hình quân sự sẽ trở thành nhà lãnh đạo tối cao của Champa, gọi là vị vua của các vua Champa (Raja diraja Campa) nắm quyền cai trị trên toàn lãnh thổ của vương quốc này mà bia đá đã ghi là Po Tanah Raya “Quyền làm chủ trên toàn diện lãnh thổ”.



Ngược lại, dòng tộc nào kém may mắn, thì phải chấp nhận sự yếu thế với tất cả lòng hãnh diện: không hiềm khích với dòng tộc khác và cũng không tìm cách trả thù vì sự thất bại của mình. Điều đáng nêu ra, là hai dòng tộc Champa này có một ý thức hệ rất đặc biệt về tư tưởng đấu tranh chính trị của họ. Một khi đã thành công, chính quyền trung ương Champa thường khắc lên bia đá điều giải thích nguyên nhân chính yếu của biến cố đã xảy ra và tuyên bố rõ rệt kết quả của phía thất trận và phía thắng trận. Mặt dù bị thất trận, dòng tộc thua kém này, nhất là dòng tộc ở miền nam, không bao giờ tìm cách để xóa bỏ những dòng chữ trên bia đá. Ngược lại, họ coi đó là những kỷ niệm cao cả và thiêng liêng trong quy luật đấu tranh chính trị: ăn làm vua nhưng không vì thua mà làm giặc. Trong quá trình lịch sử Đông Nam Á, quy luật đấu tranh chính trị này chỉ xuất hiện ở vương quốc Champa mà thôi.

VẤN ĐỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI CHAMPA TRONG QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ

Trong bất cứ lịch sử của một quốc gia nào, vấn đề xã hội luôn luôn là một đề tài quan trọng trong cơ cấu tổ chức của một cộng đồng. Mọi yếu tố, dù vô tình hay cố ý, nhằm đưa đẩy dân tộc đến sự xung đột và hiềm thù lẫn nhau, sẽ có một tác dụng vô cùng tai hại trong cơ cấu tổ chức xã hội đó. Và mọi xung đột xã hội là động cơ thúc đẩy một tập thể dân tộc đi vào con đường diệt vong.

Trong quá trình lịch sử Champa, vấn đề xung đột xã hội đã trở thành một đề tài mà nhiều nhà nghiên cứu thường nêu ra. Đa số đã nhận định rằng, sự xung đột liên tục trong nội bộ Champa mà lịch sử đã từng đề cập là nguyên nhân chính đã đưa vương quốc này đến chỗ diệt vong. Có 5 nguyên nhân mà lịch sử champa để lại:

1. Tranh giành quyền lực giữa hai hoàng tộc cau và dừa ngày càng lớn
2. Các tôn giáo lớn trong khu vực du nhập ngày càng mạnh, làm đảo lộn trật tự xã hội champa có từ lâu đời. Xung đột giữa ấn giáo, đạo hồi và nho giáo lên đến đỉnh điểm. Phân biệt tôn giáo đã làm mất đi tính tự hào dân tộc, mất đi sự đoàn kết thiết yếu để bảo vệ dân tộc champa.
3. Chênh lệch giàu nghèo giữa hoàng tộc và các tiểu vương





4. Sai lầm quân sự khi đẩy mạnh tàu thuyền giao thương xa bờ nhưng không củng cố phòng thủ quân sự, khi dân số ít và thưa thớt.
5. Nội bộ trong cộng đồng nhân dân không đoàn kết. các tiểu vương chưa thống nhất, nhất quán trong chính trị, kinh tế và cả quân sự

KHỞI ĐẦU CỦA SỰ CÁCH BIỆT NAM BẮC CHAMPA

Sự xung đột xã hội đầu tiên trong lịch sử Champa đã xảy ra vào những năm cuối cùng của thế kỷ 11. Sau ngày từ trần của vua Champa Jaya Simhavarman đệ nhị vào năm 1044, một tướng tài xuất thân từ gia đình quan chức trong triều đình Champa, nổi loạn chiếm ngôi ở thủ đô Vijaya, và tự tôn mình lên làm vua Champa lấy tên là: Jaya Paramesvara varman đệ nhất (1044-1060).

Vì không đồng ý với chính sách dùng sức mạnh quân sự để chiếm đoạt ngôi vua Champa, tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam vùng dậy tuyên chiến chống lại chính quyền của Jaya Paramesvaravarman đệ nhất vào năm 1050, nhưng không thành công. Trong một bản văn viết trên bia đá hiện còn ở trên tháp Po Klaong Garai (Phan Rang), vua Jaya Paramesvaravarman đệ nhất chỉ trích kịch liệt nhân dân Panduranga là những “kẻ ngu muội, những người vô tôn chỉ luôn luôn có thái độ hiểm thù... chống lại vua Campa”.

Bản văn kết tội nhân dân Panduranga trên bia đá này cũng có nghĩa là kết tội dòng cây Cau ở miền nam chỉ tìm cách xen lấn vào nội bộ Champa ở miền bắc thuộc dòng cây Dừa.

hiến tranh nội bộ này, mặc dù xuất phát từ sự tranh chấp quyền hành cai trị vương quốc Champa giữa hai dòng tộc, đã gây rạn nứt xã hội rất nghiêm trọng giữa dân tộc Champa ở miền nam vốn tôn thờ giai cấp lãnh đạo dòng cây Cau và dân tộc Champa ở miền bắc, trung thành với cấp lãnh đạo quốc gia thuộc dòng cây Dừa.

May thay, cuộc xung đột này chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn ngủi, bởi vì các giới lãnh đạo quốc gia giữa hai miền, cũng vì ý thức đến tầm quan trọng của sự xung đột này, đã tìm cách giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng. Để chấm dứt biến cố này, vua Panduranga chấp





nhận sự thất bại của chiến tranh do mình tạo ra và sẵn sàng ra lệnh, thể theo lời yêu cầu của vua Jaya Paramesvaravarman đệ nhất, để bắt mỗi người dân Panduranga phải mang vài cục đá đem nộp cho đền tháp mỗi khi có cơ hội đi ngang qua khu vực này. Truyền thống này vẫn còn lưu truyền cho đến hôm nay, nhất là cho những ai thường đi ngang đèo Cộ, trên đường đi từ Phanrang lên Dalat.

NGUYÊN NHÂN SỰ XUNG ĐỘT GIỮA NAM VÀ BẮC CHAMPA

Sự thành công của cuộc hòa giải dân tộc vào năm 1050 vẫn là điều đáng chú ý, nhưng vấn đề xung đột xã hội vẫn là một hiện tượng lịch sử có một tác động tâm lý sâu đậm trong quần chúng. Và chỉ cần có một yếu tố nhỏ nhoi, biến cố này cũng có thể trở lại trên bàn cờ chính trị.

Tình hình 1145-1160

Năm 1145, vua Kampuchea là Suryavarman gọi một đoàn quân hùng mạnh sang thủ đô Vijaya và giết được vua Champa là Jaya Indravarman đệ tam (1139-1145) trên chiến trường. Để thay thế vua này, một hoàng tử xuất thân từ một gia đình hoàng gia khác, tự tôn mình là vua Champa, lên ngôi ở Vijaya lấy tên là Rudravarman đệ tứ

Vì thủ đô Vijaya bị quân campuchia chiếm đóng hay là vì sự vùng dậy của nhân dân Champa ở miền Vijaya chống lại chính quyền cướp ngôi này, vua Rudravarman đệ tứ phải chạy sang ẩn náu ở tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam vào năm 1147, cùng với đứa con trai của mình, tức là hoàng tử Sivanandana. Trước tình thế này, tiểu vương quốc Panduranga rất ân cần với gia đình hoàng gia từ miền bắc đến xin tị nạn trong lãnh thổ của mình.

Một vài tháng sau, Rudravarman thoái vị và xin hậu thuẫn của tiểu vương quốc Panduranga để tôn hoàng tử trẻ tuổi Sivanandana hiện có mặt tạm thời trên lãnh thổ của mình lên làm vua Champa vào năm 1147, lấy tên là Jaya Harivarman đệ nhất. Khi đã lên ngôi, mặc dù còn ở trong lãnh thổ miền nam, Jaya Harivarman đệ nhất đã có danh chánh ngôn thuận để đòi hỏi quân xâm lược Kampuchea phải rời khỏi thủ đô Vijaya của Champa.





Khi nghe tin này, vua Kampuchea Suryavarman vô cùng phẫn nộ và quyết định gửi một đoàn quân sang tàn phá vùng Phan Rang vào năm 1148. Sẵn dịp thắng trận, vua Campuchia đưa em rể của mình là Harideva lên làm vua Champa ở Vijaya, bất chấp phản ứng của người dân Champa. Năm 1148 đánh dấu sự chia đôi đầu tiên của vương quốc này: Miền bắc Champa đặt dưới quyền cai trị của một ông hoàng tử gốc Campuchia. Miền nam, đó là chính quyền của vua Champa Jaya Harivarman đệ nhất, gốc người Vijaya.

Một năm sau, tức là 1149, vua Jaya Harivarman đệ nhất, với sự hỗ trợ của đoàn quân hùng mạnh Panduranga, sang đánh Vijaya, giết được hoàng tử Harideva của Campuchia. Sau khi thắng trận, ông tự tôn mình là vua của vua Champa (Raja diraja Campa) trên toàn lãnh thổ của vương quốc này. Tiếc rằng, đối với nhân dân miền bắc Champa, Jaya Harivarman đệ nhất chỉ là một công cụ của tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam.

Vì không chấp nhận chính sách của vua Jaya Harivarman đệ nhất nhằm dùng vũ lực để chiếm đoạt ngôi báu Champa, nhân dân Champa ở miền bắc và dân tộc Tây nguyên là Radê và Mada (Bahnar?) vùng dậy kêu gọi một hoàng tử khác, gốc hoàng gia Champa ở Vijaya, đó là Vangsaraja, em vợ của vua Harivarman đệ tứ (1114-1129) đứng ra làm lãnh tụ của phong trào kháng chiến này.

Năm 1150, Jaya Harivarman đệ nhất cho lệnh tấn công hàng ngũ cách mạng của hoàng tử Vangsaraja, nhất là nhóm Radê và Mada ở Tây nguyên. Bị thất bại, hoàng tử Vangsaraja chạy sang Đại Việt để xin viện trợ quân sự nhằm chiếm ngôi lại, nhưng không thành. Năm 1151, nhân dân vùng Amaravati cũng vùng dậy đứng sau lưng hoàng tử Vangsaraja để phản đối lại sự chiếm ngôi của vua Jaya Harivarman đệ nhất.

Bốn năm sau, tức là vào năm 1155, tiểu vương quốc Panduranga, không biết vì lý do gì, cũng đứng ra để truất phế vua này. Thế là chiến tranh giữa nam và bắc bùng nổ trong suốt năm năm trường.

Phải chờ cho đến năm 1160, vua Jaya Harivarman đệ nhất mới có thời cơ để dẹp tan sự xung đột quân sự với Panduranga. Chiến tranh vào năm 1150 giữa vua Champa Jaya Harivarman





đệ nhất và nhóm Tây Nguyên trung thành với Vangsaraja, một hoàng tử mà người Radê và Mada coi như là dòng chính thống có quyền lên ngôi Champa của họ, đã bị thù diệt một cách phi khoa học bởi một số nhà sử học nước ngoài và Việt Nam như một chiến tranh của người Chăm nhằm đô hộ cao nguyên.

Nếu Champa không dính dáng gì với họ, tại sao dân tộc Radê và Mada lại tình nguyện đem quân giúp hoàng tử Vangsaraja để chống lại vua Jaya Harivarman đệ nhất từ Panduranga đến cai trị miền bắc.

Sự thành công trong việc chiếm ngôi ở Vijaya của vua Jaya Harivarman đệ nhất đã từng tị nạn ở Panduranga không phải là sự thành công của cá nhân ngài, nhưng là sự thành công của toàn dân tộc cây Cau Champa ở miền nam trong công cuộc chiếm đoạt quyền cai trị ở miền bắc. Ngược lại, dòng cây Dừa cũng có lý do riêng để phản đối sự hiện diện ở Vijaya của vua Jaya Harivarman đệ nhất.

Nguyên nhân chính đó là Jaya Harivarman đệ nhất, con của vua Rudravarman đệ tứ, không phải là dòng hoàng gia Champa, chạy sang Panduranga ở miền nam nhằm cầu cứu sự hỗ trợ chính trị và quân sự để chinh phục ngôi vua.

Tình hình 1190-1220

Sau cuộc nội chiến 1145-1160, tình hình nội bộ Champa trở lại bình thường, nhưng vấn đề cách biệt giữa dân tộc ở phía nam và bắc Champa vẫn còn là một hiện tượng đáng lo ngại. Bằng chứng rằng, sau 30 năm kể từ ngày cướp ngôi của vua Jaya Harivarman đệ nhất (1147-1160), vương quốc Champa đã lâm vào cuộc xung đột xã hội vô cùng bi đát chưa bao giờ có trong lịch sử Champa.

Biến cố này phát xuất từ sự tranh chấp quyền lực giữa những hoàng tử ở miền bắc Champa, nhằm tạo cho mình một tư thế với bất cứ giá nào để được toàn quyền làm vua trên đất nước này. Nếu một số hoàng tử Champa ở miền bắc dùng chính sách kêu gọi nhân dân miền bắc vùng dậy để yểm trợ cho phe phái mình, cũng có một số hoàng tử không ngần ngại mời gọi





quân ngoại lai nhằm giải quyết việc nội bộ trong vương quốc này.

Vào năm 1182, tức là bốn mươi năm sau ngày dẹp tan quân Khmer ở Vijaya, một hoàng tử Champa khác tên là Sri Vidyanandana, gốc người Vijaya, chạy sang Campuchia để tìm hậu thuẫn của vua Jayavarman đệ thất. Trong những năm lưu vong ở đây, ông ta xin vua Khmer phong tước cho mình là hoàng tử nối ngôi (Yuvaraja) của vương quốc Champa, bất chấp cả qui luật tổ chức chính trị trong vương quốc này. Vì rằng, chỉ có hội đồng hoàng gia có quyền phong chức hoàng tử nối ngôi của Champa.

Với hậu thuẫn của một đoàn quân Khmer hùng mạnh, hoàng tử Vidyanandana sang tấn công thủ đô Vijaya vào năm 1190, bắt được vua Jaya Indravarman đệ tứ (1167-1190) để đem giao nộp cho vương quốc Campuchia.

Cũng nhờ hậu thuẫn chính trị và quân sự của vua Khmer là Jayavarman đệ thất mà hoàng tử Champa Sri Vidyanandana đã làm chủ tình hình chiến tranh ở miền bắc. Để tạ ơn vua Campuchia hay là không đủ quyền lực chống lại sự thống trị của vương quốc láng giềng này, hoàng tử Champa Sri Vidyanandana, một khi đã thắng trận, xin đề nghị (hay là bị buộc phải đề nghị) em rể của vua Khmer Jayavarman đệ thất lên làm vua Champa ở Vijaya lấy tên là Suryajayavarman. Sau đó, ông ta tự xưng vua của tiểu vương quốc Panduranga, lấy tên là Suryavarman.

Sự cầu cứu quân sự ngoại lai để giải quyết nội bộ Champa đã phân chia vương quốc này thành hai khu vực rõ rệt: Miền bắc đặt dưới sự cai trị của một ông vua ngoại lai từ Khmer sang. Miền nam lại lọt vào trong tay của một ông hoàng tử Champa không phải gốc Panduranga, nhưng là gốc người miền bắc.

Vấn đề tự xưng vương ở Panduranga của vua Suryavarman, gốc Vijaya đã biến tình hình xã hội miền nam thành một ung nhọt không chữa trị được. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Champa miền nam cảm thấy mình không còn làm chủ trên lãnh thổ của mình nữa. Trước biến cố chính trị này, nhân dân Panduranga tìm cách vùng dậy, vào năm 1190 không phải để chống xâm lược ngoại lai, nhưng chống lại hoàng tử Champa gốc miền bắc, mặc dù không





thành công.

Trong khi đó, dân tộc Champa miền bắc cũng vùng dậy vào năm 1191 dưới quyền chỉ đạo của hoàng tử Rasupati để đánh đuổi ông vua ngoại lai ở thủ đô Vijaya. Khi đã thắng trận, hoàng tử Rasupati lên ngôi lấy tên là Jaya Indravarman đệ ngũ. Trước tình thế này, vua Khmer không ngần ngại vượt ve Jaya Indravarman đệ tứ, một ông vua Champa bị bắt giam ở Khmer vào năm 1190. Đó cũng là một chiến thuật mới: dùng người Champa để chống lại với vương quốc Champa.

Nhưng đối với vua Champa là Jaya Indravarman đệ tứ đang tù đầy ở Khmer, đây cũng là một dịp may mắn để chiếm lại ngôi vàng của mình. Cũng vào năm 1191, vua Jaya Indravarman đệ tứ, đem quân từ Khemer sang hợp tác với vua Panduranga là Suryavarman để tiến đánh Vijaya.

Mặc dù mang danh là người đứng ra để giúp đỡ Jaya Indravarman đệ tứ để chống lại chính quyền Vijaya, vua Suryavarman của tiểu vương quốc Panduranga, khi đã thắng trận, tự xưng mình là vua trên toàn vẹn lãnh thổ Champa. Cảm thấy mình bị lừa bịp trong chiến tranh này, Jaya Indravarman đệ tứ quyết định tập trung lực lượng của mình từ Khmer sang để tấn công vua Suryavarman, một nhân vật cướp ngôi, nhưng không thành. Nghe tin này, vua Campuchia Jayavarman đệ thất tức tốc gửi quân sang để trừng trị Suryavarman ở Vijaya vào năm 1193.

Thế là chiến tranh giữa Campuchia và Champa bắt đầu bùng nổ, một chiến tranh vô cùng khùng khiếp làm đảo lộn hoàn toàn bao công trình kinh tế và cơ cấu xã hội.

Trong suốt 10 năm chiến tranh, vua Khmer, vì không thể nào chống lại vua Champa, chỉ còn cách là nhờ ông Dhanapati Grama, là cậu ruột của vua Suryavarman, tìm cách cô lập vua Champa này. Thế là vào năm 1203 chính quyền vua Suryavarman bị lật đổ bởi cậu ruột của mình là ông Dhanapati Grama, dưới sự yểm trợ của đoàn quân Campuchia.





Sau trận chiến này, Champa đã trở thành một thuộc địa của Campuchia trong suốt 17 năm, tức là từ năm 1203-1220.

Đứng trên phương diện lịch sử mà nói, vào những năm 1190-1220, xã hội Champa đã trở thành hai bãi chiến trường mà dân tộc Champa là nạn nhân chính của chiến cuộc này. Một bên là chiến trường tranh chấp quyền hành giữa các hoàng tử Champa ở miền bắc để làm bá chủ vương quốc Champa, còn chiến trường thứ hai dành cho sự tranh chấp uy quyền giữa hai nước láng giềng Champa và Campuchia.

Từ năm 1182 đến năm 1220, nhân dân Champa đang chứng kiến một vở bi kịch lịch sử với bao nhiêu nhân vật chính trị tranh giành quyền làm Po Tanah Raya:

– Hoàng tử Sri Vidyananda chạy sang lánh nạn ở Khmer vào năm 1182, rồi sau trở thành vua tiểu vương quốc Panduranga, lấy tên là Suryavarman.

– Vua Indavarman ở Vijaya bị quân Campuchia bắt đày sang Campuchia vào năm 1190.- Em rể của vua Khmer Jayavarman đệ thất tự xưng vương ở Vijaya Champa lấy tên là Suryajayavarman.

Chiến tranh với Mông cổ 1283-1285

Sáu mươi ba năm về sau, tức là năm 1283, tiểu vương quốc Champa Vijaya lại bị quân Mông Cổ chiếm cứ liên tục trong hai năm liền. Vua Champa Indravarman đệ ngũ, vì không thể đứng ra để đối chọi với đoàn quân hùng mạnh Mông Cổ trong khu vực đồng bằng, dùng chiến thuật nhà không đồng trống để kháng chiến, quyết định rút toàn bộ quân sự của mình về phòng thủ ở Tây Nguyên.

Biến cố này đã chứng minh rõ rệt rằng Tây Nguyên là một lãnh thổ của Champa. Cũng nhờ sự yểm trợ của dân tộc Champa ở Tây Nguyên mà vua Champa Indravarman đã thành công trong công trình chống lại quân Mông Cổ.



Trong suốt hai năm chờ đợi để giao chiến, quân Mông Cổ, vì không còn lương thực để tiếp tục chiến tranh, quyết định bỏ hẳn chiến trường Champa để trở về Trung Quốc, vào năm 1285. Trong cuộc chiến này, tiểu vương Panduranga không lên tiếng phản đối và cũng không đứng lên hô hào giúp anh em Champa ở miền bắc chống lại quân xâm lược Mông Cổ.

Thái độ tiêu cực này phải chăng là một bằng chứng để giải thích rằng vương quốc miền nam Panduranga, mặc dù cùng chung sống trong một liên bang Champa, vẫn coi Vijaya là một tiểu vương quốc riêng biệt, có nền tự trị riêng. Đã nhiều lần bị kết tội là muốn cai trị miền bắc, phải chăng Panduranga muốn tỏ bày thái độ dè dặt hơn trước biến cố chính trị này.

Sự dè dặt đó cũng đã chứng minh rằng, mấy thế kỷ vừa qua, sự xung đột xã hội giữa nam và bắc Champa vẫn là một vấn đề chủ yếu trong tiến trình lịch sử của quốc gia này

Vai trò Vua Trà Hoa bồ Đề trong chính sách hòa đồng dân tộc và ngoại giao: 1342-1360

Vua Trà Hoa Bồ Đề (1342-1360) (Ông là Hậu duệ Vua Chế Mân, Con rể Vua Chế A Nan). Ông thuộc vương triều thứ 12, Triều đại thứ 9, đóng đô ở thành Vijaya (Đồ Bàn, bình định).

Ông chủ trương hòa đồng xung đột dân tộc, xây dựng kinh tế, hòa hoãn với đại việt và khmer. Vương quốc ông trị vì trải dài từ dãy hoàng liên sơn phía bắc, nam giáp đến Đồng nai ngày nay. Đông giáp biển champa (biển đông), tây giáp tây Lào. Kinh tế phát triển dựa vào nguồn đánh bắt thủy sản ngọc trai, đồi mồi, trầm hương, ngà voi, nền nông nghiệp trồng lúa nước nổi tiếng đông nam á, sản xuất gốm sứ, điêu khắc, công nghiệp sx đồng, đồng thau phát triển rực rỡ, đội tàu thuyền hùng mạnh, quản lí một vùng biển champa (biển đông), cung cấp hàng hóa cho một vùng rộng lớn Đông á, tây á.

Đội tượng binh hàng ngàn voi trận thiện chiến đánh lui các cuộc xâm lược của khmer và đại việt xâm lấn bờ cõi. Tạo tiền đề kinh tế vững chắc cho Chế bồng Nga sau này



Vai trò Chế Bồng Nga trong chính sách hòa đồng dân tộc: 1360-1390

Hơn nửa thế kỷ sau cuộc tấn công của quân Mông cổ vào năm 1283, tình hình xã hội Champa giữa hai miền nam bắc tạm coi như là lắng dịu, nhưng ý đồ chia cách giữa hai miền vẫn còn thể hiện trong tâm tư của dân tộc này. Năm 1360, Chế Bồng Nga xuất hiện trên bàn cờ chính trị Đông Dương. Cũng nên nhắc rằng, Chế Bồng Nga là một vị vua của liên bang Champa, đặt thủ đô của mình ở Vijaya (Bình Định).

Chế Bồng Nga không dính dáng gì với ông vua Po Binthuor (hay Cei Sak Bingu trong biên niên sử Panduranga), như nhiều nhà nghiên cứu thường hiểu lầm. Vì rằng; Po Binthuor là một vị vua thứ 10 của tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam lên ngôi từ 1316 đến 1361 hay từ 1328 đến 1373, tùy theo biên niên sử của tiểu vương quốc này, đặt thủ đô của mình tại Bal Anguai (trong khu vực Phanrang).

Sự hiện diện của Chế Bồng Nga, một nhà quân sự đại tài nhưng cũng là một nhà chính trị sáng suốt, đã đem lại cho lịch sử của vương quốc này những ngày vàng son nhất. Nhằm thực thi chính sách đưa Champa đến một tư thế vững mạnh vừa chính trị và quân sự trong khu vực Đông Nam Á này, Chế Bồng Nga cần sự yểm trợ toàn diện của dân tộc Champa ở hai miền nam và bắc.

Chính thế, trong suốt 30 năm cai trị quốc gia này, Chế Bồng Nga vẫn đặt vấn đề xã hội lên hàng đầu. Xã hội là một lực lượng luôn luôn giữ một vai trò trọng yếu trong mọi biến cố chính trị và quân sự. Công trình to tát của ngài là vận dụng mọi nỗ lực để hòa đồng dân tộc giữa nam và bắc, nâng cao ý thức hệ quốc gia nhằm yểm trợ chính sách thu hồi lại vùng đất của Champa đã bị mất ở phía bắc của ngài và để xác định lại uy quyền Champa trên bàn cờ chính trị Đông Dương.

Chưa đầy 30 năm an bình giữa nam và bắc, ung nhọt xã hội trong vương quốc Champa lại tái sinh. Cái ung nhọt này không phát xuất từ những phong trào nhân dân chống lại chính quyền Champa của Chế Bồng Nga, nhưng phát xuất từ một số nhà lãnh đạo Champa vô ý thức, vì quyền lợi và danh vọng riêng tư của mình, họ không ngần ngại làm mật vụ cung cấp tin tức





mật của quốc gia cho ngoại xâm.

Cũng vì mưu đồ của một số nhà lãnh đạo Champa làm tay sai cho địch, vua Chế Bồng Nga đã bị ngã gục trong chiến trường ở hải phận Đại Việt vào năm 1390. Năm 1390 đánh dấu một vở bi kịch mới trong lịch sử Champa.

Nếu sự sụp đổ của xã hội Champa phát xuất một phần nào từ chính sách của một số nhà lãnh đạo Champa thường hay kêu cứu ngoại lai để củng cố địa vị chính trị của mình trong vương quốc này, thì kể từ năm 1390, xã hội Champa lại bắt đầu đối phó với một hiện tượng mới lạ mà hậu quả còn nguy hiểm hơn chính sách cầu cứu ngoại lai, đó là những mưu đồ của một số tập thể lãnh đạo làm tay sai cho địch.

Chính vì thế, cái chết của vua Chế Bồng Nga vào năm 1390 đã cho chúng ta thấy sự phát hiện của một chứng bệnh mới gọi là “mưu đồ làm tay sai cho địch” đang diễn tiến trong cơ cấu tổ chức xã hội của Champa thời đó; một chứng bệnh có một tác động vô cùng nguy hiểm trong mọi chiến lược quân sự và chính trị của vương quốc này: chỉ vì một giây phút sơ hở, nền an ninh quốc gia gặp nguy biến.

Sự phân chia nam bắc Champa: 1360-1471

Mưu đồ làm tay sai cho địch nhằm ám hại vua Chế Bồng Nga, một hiện tượng duy nhất trong lịch sử Champa, phải chăng là một tiếng chuông báo hiệu cho sự suy tàn của vương quốc này. Bởi rằng, hơn một nửa thế kỷ tính từ ngày tử trận của Chế Bồng Nga, xã hội Champa đang nằm trên bờ vực thẳm: tranh chấp quyền hành giữa các nhà lãnh đạo đã trở thành tấn bi kịch xảy ra hàng ngày.

Kể từ năm 1360, vương quốc Champa ngày càng đi đến con đường suy yếu. Sự suy yếu này phát xuất từ hai nguyên nhân chính: một phần, phải đối đầu chống lại sự xâm lăng của láng giềng miền bắc, còn phần khác phải đối phó với bao nhiêu chiến tranh nội bộ của mình. Chỉ trong khoảng thời gian chưa đầy 30 năm, 5 vị vua Champa tiếp nối nhau để lên ngôi ở thủ đô





Vijaya (Bình Định).

Sự hiện diện của 5 vị vua trên ngai vàng Champa cũng đã chứng minh rằng trong suốt 30 năm này, Champa có 5 chính sách riêng biệt và 5 lực lượng riêng biệt. Mỗi lực lượng vì sự sống còn của mình cần đi tìm hậu thuẫn trong quần chúng nhân dân. Hay nói một cách khác, trong suốt 30 năm này, xã hội Champa chia ra làm 5 phe nhóm để phục vụ cho 5 vị vua Champa.

Sự xung đột không lối thoát trong xã hội Champa kể từ năm 1360, xuất phát từ gia đình trị và địa phương trị của một số nhà lãnh đạo Champa thời đó, cũng là nguyên nhân đưa đến sự diệt vong của Vijaya, tiểu vương quốc Champa ở miền bắc vào năm 1471. Khi đã diệt vong, vấn đề xung đột giữa nam và bắc cũng tự biến mất trong xã hội Champa.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, nếu vấn đề nam bắc không còn nữa kể từ hôm nay, không phải là nhờ chính sách hòa đồng dân tộc do các nhà lãnh đạo đã đưa ra, nhưng là vì lãnh thổ Champa ở miền bắc đã lọt vào tay của Đại Việt, và dân tộc Champa miền bắc đã trở thành một công dân Việt hoàn toàn, kể từ năm 1471.

Xã hội Champa từ 1471 đến 1832

Thành Đồ Bàn (Vijaya) rơi vào tay Đại Việt vào năm 1471 đánh dấu sự diệt vong của dòng tộc cây Dừa ở miền bắc. Kể từ đó, Champa tự thu hẹp lại trong lãnh thổ của tiểu vương quốc Panduranga, nơi tập trung của dòng tộc cây Cau.

Hết đối phó với Đại Việt, Champa lại gặp phải mối đe dọa mới vô cùng nguy hiểm đã từng làm rung chuyển bàn cờ chính trị Đông Dương, đó là chính sách “Nam Tiến” của nhà Nguyễn từ thế kỷ thứ 16.

Mặc dầu chấp nhận chịu đựng để đương đầu với chính sách “Nam Tiến” này trong suốt hai thế kỷ đầu, vương quốc Champa cũng rất tự hào với chính sách xã hội của mình. Nhưng sự an bình và thịnh vượng xã hội đó đã trở thành một vấn đề khúc mắc một khi nhà Nguyễn quyết định xâm chiếm Champa vào năm 1692 và đặt vương quốc này dưới quyền cai trị của quân



viễn chinh nhà Nguyễn với sự yểm trợ của hoàng tử Po Saktirayda putih một nhân vật chỉ đóng vai trò bù nhìn cho triều đình Huế để được nhận được chức vô cùng tầm thường, đó là “Khám Lý” thay vì “Chiêm Thành Vương”.

Trước thái độ nhu nhược của hoàng tử này, toàn bộ dân tộc Champa tự vùng dậy vào năm 1693 để giải phóng quê hương của họ. Đây là một cuộc khởi nghĩa nhân dân đầu tiên xuất hiện trong lịch sử Champa.

Ngoài mục tiêu đánh đuổi quân nhà Nguyễn ra khỏi vương quốc này, mật trận kháng chiến nhằm giải phóng Champa còn vùng dậy để quét sạch những người Champa làm tay sai cho hoàng tử Po Saktiraydaputih và những nhân vật Champa khác vô tình hay cố ý hợp tác với quân xâm lược nhà Nguyễn.

Chiến tranh này kéo dài liên tục hai năm liền là một thí dụ điển hình minh chứng cho sự xung đột lớn lao trong xã hội Champa thời đó. Nhưng sự xung đột xã hội này không phát xuất từ sự tranh giành quyền lợi riêng tư giữa hai tập thể dân tộc Champa, nhưng là sự dị biệt trong ý thức hệ đấu tranh cho quyền lợi thiêng liêng của Champa.

Nếu đa số dân tộc Champa cương quyết, với bất cứ giá nào, đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyễn ra khỏi đất đai Champa, một số nhà lãnh đạo Champa khác thích chọn con đường làm bù nhìn cho nhà Nguyễn để củng cố địa vị hay danh vọng của mình. May mắn rằng, đoàn quân kháng chiến đã đánh bại lực lượng xâm lược nhà Nguyễn vào năm 1694, tập trung mọi nỗ lực nhằm hàn gắn lại vết thương xã hội do chiến tranh gây ra trong suốt hai năm liền.

Kể từ những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 17, ngoài hiện tượng làm tay sai cho địch đã từng xảy ra dưới thời Chế Bồng Nga vào năm 1390, vương quốc Champa bắt đầu đối phó với một hiện tượng mới nữa, đó là một số nhà lãnh đạo chỉ biết dựa vào uy quyền nhà Nguyễn để cai trị quốc gia. Chính thế mới có cuộc vùng dậy của dân tộc Champa vào năm 1693 để nói lên sự quyết tâm đoàn kết của dân tộc Champa.



Chỉ cần đoàn kết, dân tộc Champa đã đập tan quân đội hùng mạnh của nhà Nguyễn. Hơn thế kỷ sau, Champa trở thành một nạn nhân của cuộc tranh chấp chính trị giữa người Việt Nam, hay nói một cách khác, nạn nhân của chiến tranh giữa lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Ánh kể từ năm 1771.

Muốn đập phá tổng hành dinh Nguyễn Ánh ở Saigon, Tây Sơn tập trung mọi nỗ lực nhằm chiếm đóng Champa trước để làm nhịp cầu tiến quân trong chiến lược quân sự. Khi đã chiếm đóng Champa, Tây Sơn tìm cách đưa những nhân vật Champa thân cận mình lên nắm chính quyền. Nhưng Tây Sơn chỉ làm chủ tình hình Champa trong khoảng một hay hai năm. Bởi rằng Nguyễn Ánh cũng tìm cách chinh phục Champa để đặt tổng hành dinh nhằm tiến quân đánh Khánh Hòa, một địa đầu quân sự của Tây Sơn.

Khi đã thành công, Nguyễn Ánh cũng truất phế những nhà lãnh đạo Champa phục vụ cho Tây Sơn và đưa những nhà lãnh đạo Champa khác, thân cận với mình, lên nắm chính quyền trong vương quốc này. Biến cố này đã chứng minh rằng tại sao có sự thành hình của mấy chục chính phủ Champa trong một thời gian chưa đầy 30 năm. Trở thành một nạn nhân của chiến tranh giữa nhà lãnh đạo Việt Nam, xã hội Champa đã đi vào một khúc quanh lịch sử. Ngoài chiến tranh tàn phá kinh tế, tàn phá cơ cấu tổ chức làng xã và gia đình, xã hội Champa thời đó đương đứng trước lẽ vực thẳm.

Với sức ép quân sự của ngoại lại, dù Nguyễn Ánh hay Tây Sơn, dân tộc Champa tự khai trừ lẫn nhau để làm hài lòng cho quân xâm lược. Gần 30 năm chiến tranh giữa nhà lãnh đạo Việt Nam đã đưa xã hội Champa vào hố thẳm tăm tối chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử. Vì quyền lợi riêng tư của mình, của gia đình mình, một số người Champa không ngần ngại tố cáo anh em Champa ruột thịt trước chính quyền Tây Sơn hay Nguyễn Ánh, và cũng không ngần ngại loại trừ bất cứ ai không đồng quan điểm với mình.

Xã hội Champa trong suốt thời gian tranh chấp giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh đã trở thành một xã hội thối nát, không còn nhận diện được ý thức hệ đoàn kết thiêng liêng để kháng cự chống lại những tập thể xâm lược ngoại lai.





Trước biến cố bi đát này, vua Cei Brei (chứ không phải Po Saong Nhung Ceng như người ta thường hiểu lầm) – dòng Po Romé, gốc dân tộc Cru đã từng nắm chính quyền Champa từ năm 1627 – cùng hàng vạn quân Champa và gia đình của mình, quyết định rời bỏ quê hương để sang ẩn náu ở Kampuchea vào năm 1795. Sự ra đi của vua Cei Brei đã chứng minh rằng vương quốc Champa không còn chính quyền cai trị nữa. Cũng trong thời gian này, Po Saong Nhung Ceng, một tướng tài trong triều đình của vua Cei Brei, gốc dân tộc Chăm (tức là tổ tiên của bà Thềm ở Phan Rí hôm nay), chạy theo Nguyễn Ánh ở Saigon thành lập một chính phủ lâm thời.

Thế là kể từ năm 1795, Champa có hai chính phủ: một chính phủ lưu vong Champa ở Campuchia gốc người Cru và một chính phủ lâm thời ở Saigon gốc người Chăm. Sự hiện diện hai chính phủ này là động cơ chính yếu đã đưa hai dân tộc Cru và Chăm đến sự xung đột không lối thoát. Thêm vào đó, hai chính phủ này đều đặt tổng hành dinh trên lãnh thổ láng giềng. Mỗi chính phủ lưu vong đều tìm cách gửi cán bộ của mình về nước để chinh phục lòng dân.

Thế là, một tập thể xã hội Champa không tổ chức và không nhà lãnh đạo đã trở thành một tập thể tự chia ba xẻ bảy nhằm phục vụ hoặc cho chính phủ lưu vong ở Campuchia hoặc cho chính phủ lưu vong ở Saigon. Một khi đã dấn thân vào cuộc đấu tranh quân sự để chiếm đoạt ngôi báu, hai chính phủ lưu vong này không còn quan tâm cho lắm đến hậu quả của chiến tranh, hào hào cho phe phái của mình ở địa phương tuyên chiến với nhau để nêu cao chính nghĩa của nhóm mình.

Ngoài hai nhóm theo chính phủ lưu vong, tập thể Champa còn lại cũng bị chia ba xẻ bảy để tự tập thành nhóm, hoặc ủng hộ cho chính sách Nguyễn Ánh ở miền nam hay cho chính sách Tây Sơn ở miền bắc. Sự chia ba xẻ bảy này đã biến tập thể dân tộc này thành những kẻ thù nghịch, để rồi sự sống còn của họ tùy thuộc hoàn toàn vào kết quả của chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, chứ không phải tùy thuộc vào ý thức hệ đoàn kết dân tộc của họ như đã từng xảy ra vào năm 1693.





Năm 1802, Nguyễn Ánh dẹp tan phong trào Tây Sơn và lên ngôi ở Huế, lấy niên hiệu là Gia Long. Để cảm ơn Po Saong Nhung Ceng trong công trình đấu tranh chống Tây Sơn, Gia Long trao trả lại cho Champa quyền độc lập và đưa Po Saong Nhung Ceng về làm vua Champa ở Panduranga. Gia Long cũng tôn cử Lê Văn Duyệt, một bạn thân của Champa, làm Tổng Trấn Gia Định Thành ở Saigon. Mặc dù Champa độc lập trong biên chế chính trị Việt Nam, nhưng quyền quản trị Champa vẫn còn tùy thuộc vào trong tay của Lê Văn Duyệt hơn là vào uy quyền của triều đình Huế. Kể từ ngày Po Saong Nhung Ceng lên nắm chính quyền vào năm 1802, vết thương của xã hội Champa bắt đầu hàn gắn lại.

Nhưng sự hàn gắn xã hội này chỉ là một vấn đề tạm bợ, bởi rằng cộng đồng dân tộc Cru, con cháu dòng Po Romé, vẫn chưa phục tùng chính quyền Champa của Po Saong Nhung Ceng, một ông tướng đại tài, không xuất thân từ gia đình hoàng gia Champa. Mười tám năm sau, Champa lại trở thành nạn nhân lần thứ hai của cuộc tranh chấp chính trị giữa người Việt Nam như thời Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Năm 1820, khi Gia Long từ trần, hoàng đế Minh Mệnh lên nối ngôi vua cha. Vì muốn tập trung toàn quyền cai trị Việt Nam trong tay mình, Minh Mệnh tìm cách gạt bỏ Tổng Trấn Gia Định Thành là Lê Văn Duyệt ra khỏi quyền kiểm soát chính sách Việt Nam ở Champa, nhưng không thành.

Mặc dù đã bao lần nhận lời khiển trách từ triều đình Huế, chính quyền Champa bất tuân chỉ thị của Minh Mệnh và tiếp tục phục tùng uy quyền Lê Văn Duyệt ở Saigon. Chính vì thế, Minh Mệnh không ngần ngại tìm kiếm những nhà lãnh đạo Champa thân cận với mình để lật đổ chính quyền Champa thân Lê Văn Duyệt.

Thế là xã hội Champa bị rạn nứt ra làm hai phe phái: một tập thể theo Lê Văn Duyệt và một tập thể khác phục tùng triều đình Huế. Hai tập thể cùng chung sống trong một vương quốc Champa này tiếp tục xung khắc và âm thầm chống báng nhau. Vì quyền lợi riêng tư, một số nhà lãnh đạo Champa không ngần ngại chạy ra ngoài Huế để mua chức tước, tìm cách phỉ báng những lãnh tụ Champa phục vụ cho Lê Văn Duyệt ở Saigon.

Kể từ năm 1820, người dân Champa sống trong một không khí vô cùng nặng nề, chỉ cần một





tiếng nói sơ hở đối với Minh Mệnh hay Lê Văn Duyệt, họ có thể trở thành một nạn nhân của thời đại vì đã bị gán cho một nhân vật nguy hiểm chống đối với chính quyền Champa thời đó. Cũng từ năm 1820, người dân Champa chịu sống trong một hoàn cảnh xã hội vô cùng dao động: có khi hai anh em trong gia đình không còn tin tưởng lẫn nhau; và vì quyền lợi riêng tư, họ không ngần ngại tố tụng nhau trước chính quyền Việt Nam.

Ngoài biến cố chính trị này, dân tộc Champa, nhất là tập thể nông dân, còn phải đương đầu với bao nhiêu thống khổ khác, đó là đối phó với một số địa chủ hay cường hào Champa dựa vào chính quyền hay tài sản của mình để tung hoành bóc lột những tập thể dân nghèo hay nông dân thiếu nợ. Một khi đã lâm vào hoàn cảnh kinh tế này, dân nghèo và nông dân Champa chỉ còn cách xin bán thân mình để làm nô lệ cho điền chủ hay cường hào này. Với phương thức tính tiền lãi hơn 100% một năm theo kiểu Việt Nam thời đó, dân nghèo và nông dân Champa làm nô lệ cho họ hơn ba thế hệ của mình, nhưng nợ vẫn còn. Để né tránh số kiếp nô lệ, họ chỉ còn cách là bán ruộng đất và cửa cải của họ. Đó là giải pháp mà điền chủ và cường hào thường mong đợi. Chính sách này là một phương thức bóc lột hợp pháp chỉ nhằm đưa những người giàu trở thành giàu thêm, người nông dân nghèo nàn trở thành những đám dân nô lệ.

Năm 1832, Lê Văn Duyệt từ trần, Minh Mệnh đem quân xâm chiếm Champa và ra lệnh trừng phạt vô cùng dã man những nhà lãnh đạo Champa và tất cả dân Champa theo ủng hộ Lê Văn Duyệt. Khi đã trừng trị thẳng tay những người cộng tác với Lê Văn Duyệt, Minh Mệnh tự quyết định xóa hẳn bản đồ Champa trên bán đảo Đông Dương.

Những dữ kiện lịch sử đã nêu ra ở trên đã cho chúng ta thấy rằng sự xung đột xã hội, từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 15, giữa hai miền nam và bắc Champa phát sinh từ ý thức hệ đấu tranh giữa hai dòng tộc Cau và Dừa nhằm độc quyền cai trị vương quốc này. Nhưng sự xung đột giữa hai miền nam bắc này cũng thường tạo cho dân tộc Champa một ý thức đoàn kết chặt chẽ để bảo vệ sự sống còn của mình, một khi vương quốc Champa bị tấn công bởi một lực lượng ngoại lai khác. Từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 15, sử liệu đã từng ghi nhận có ba lần chiến tranh nội bộ giữa nam và bắc Champa. Nhưng 3 cuộc xung đột này đều phát xuất từ 3





vụ xâm lược của ngoại lai chống lại Champa.

Trong 3 biến cố chính trị đó, tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam vẫn giữ một vai trò chính yếu trong những phong trào cách mạng chống ngoại xâm, nhưng vẫn có thái độ tìm cách tự tôn vinh mình là vua liên bang Champa nhằm nắm quyền cai trị các tiểu vương quốc Champa ở miền bắc.

Những sử liệu ở trên cũng chứng minh rằng, dân tộc Champa không phải là dân tộc có bản tánh hiềm thù hay ganh tị lẫn nhau như người ta thường hiểu lầm. Sống trong vương quốc Champa, họ chấp nhận có hai dòng tộc khác nhau trên phương diện nào đó, nhưng không vì thế họ dùng chủ thuyết dòng tộc của mình để tự ly khai ra khỏi vương quốc Champa, mặc dù trên phương diện chính trị, các tiểu vương quốc có quyền tách rời ra khỏi liên bang Champa để thành lập một vương quốc độc lập riêng biệt.

Sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào năm 1471, vấn đề khác biệt nam bắc không còn nữa. Sự xung đột xã hội đã trở thành một vấn đề giữa dân tộc Champa trong tiểu vương quốc Panduranga.

Ai cũng công nhận rằng, 1693 là năm đánh dấu cuộc cách mạng lớn lao của nhân dân Champa nhằm chống lại mưu đồ nhà Nguyễn đã quyết định xoá bỏ vương quốc này trên bản đồ Đông Dương. Đây cũng là một công trình cách mạng nhân dân chống lại các lãnh tụ Champa bất lực chỉ biết làm bù nhìn cho ngoại bang. Tiếc rằng, cuộc cách mạng nhân dân Champa đó chỉ là một biến cố chính trị nhất thời, chứ không phải là một phong trào có một tổ chức qui mô nhằm phát triển mạnh mẽ để đưa ý thức hệ đấu tranh vào tiềm thức dân tộc.

Từ năm 1693 đến 1832, sử liệu cũng từng nhắc đến hai lần xung đột lớn lao trong cộng đồng Champa thời đó. Nhưng hai lần chiến tranh nội bộ này cũng đều có một xuất xứ chung đó là Champa trở thành nạn nhân của chiến tranh giữa người Việt Nam, dù dưới thời Tây Sơn chống lại Nguyễn Ánh, cũng như dưới thời vua Minh Mệnh chống lại Lê Văn Duyệt, Tổng Trấn Gia Định Thành. Sự xung đột xã hội này cũng phát sinh từ thái độ của một số nhà lãnh đạo Champa thường hay nương tựa vào quyền hành lớn lao của nhà Nguyễn để xây dựng quyền





lợi riêng tư của mình trên vương quốc Champa nhỏ bé này; phát sinh từ chính sách thống trị của một số điền chủ hay cường hào Champa thường lợi dụng địa vị và của cải của mình hoặc để làm giàu trên lưng những người dân Champa nghèo đói, hoặc tìm cách biến tập thể nông dân Champa nghèo đói thành một tập thể nô lệ (halun) của mình.

Từ năm 1795, sự xung đột xã hội cũng phát xuất từ một yếu tố khác đó là quyền nối ngôi ở Champa giữa dòng Po Romé (1627-1795) gốc người Chru và dòng Po Saong Nhung Ceng (1802-1832), gốc người Champa, tức là tổ tiên của bà Thềm ở Phan Rí.

Nguyên nhân sự suy tàn của vương quốc Champa là công trình nghiên cứu có phần bổ túc thêm. Công trình này với tựa đề “Le déclin du Campa entre le XVIe et le XIX e siècle” đăng đầu tiên trong tác phẩm Le Campa et le Monde Malais. Actes de la Conférence Internationale sur le Campa et le Monde Malais) Berkeley (Université de Californie, Travaux du CHCPI, Paris, 1991, trang 47-64) và PGS TS Po Dharma Theo pgs ts Po Dharma: Champa là một vương quốc ở miền Trung Việt Nam chạy dài từ mũi Hoành Sơn (Quảng Bình) đến biên giới Biên Hòa.

Được hình thành vào thế kỷ thứ 2, vương quốc Champa là một quốc gia liên bang bao gồm 4 tiểu vương quốc, đó là:- Amaravati (từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi)- Vijaya (Bình Định)- Kauthara (khu vực Phú Yên Khánh Hoà)- Panduranga (Phan Rang và Phan Rí) Năm 1471 đánh dấu cho ngày thất thủ thành Đồ Bàn (Vijaya). Lợi dụng cơ hội này, Đại Việt xâm chiếm toàn diện lãnh thổ Champa ở phương bắc và dời biên giới của mình đến đèo Cù Mông, ở phía nam Bình Định. Kể từ đó, Champa bị thu hẹp lại trong hai tiểu vương quốc Kauthara (Phú Yên-Nha Trang) và Panduranga (Phan Rang-Phan Rí). Thế là vương quốc Champa bé nhỏ này phải đương đầu kể từ thế kỷ thứ 16 với chính sách Nam Tiến của nhà Nguyễn, hùng mạnh cả quân sự lẫn kinh tế.

Sau 17 thế kỷ đấu tranh dựng nước và bảo tồn đất nước nhằm đẩy lui cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt, Champa bị xóa hẳn trên bản Đông Dương vào năm 1832. Hôm nay, vương quốc này chỉ để lại cho hậu thế một chuỗi vết tích lịch sử hoang phế nằm ngổn ngang trên mảnh đất ở





miền Trung Việt Nam và ba cộng đồng dân tộc thuộc thần dân Champa chưa đầy một triệu người sống rải rác ở khu vực Tây Nguyên, đồng bằng Phanrang-Phanrí và ở Campuchia.

Trong suốt 17 thế kỷ thăng trầm của lịch sử, Champa đã cố ngoi lên để tạo cho mình có một nền văn minh cao độ và đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử ở khu vực Đông Nam Á. Tiếc thay dân tộc Champa hôm nay, vì sự bất hạnh hay vì một lý do nào khác, đã trở thành một nhóm người vong quốc không còn có chủ quyền trên chính bản thân của mình, dù đó chỉ là chủ quyền trên di sản văn hóa và tín ngưỡng hay quyền trên mảnh đất vụn do chính bàn tay của mình tạo dựng tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên hôm nay.

Nói đến lịch sử thì phải nói đến sự thăng trầm của biến cố: hết thời vàng son thì đến thời suy tàn. Đây là một quy luật mà không ai chối cãi được. Nhưng mọi sự suy tàn đều có nguyên nhân của nó. Tiếc rằng, nguyên nhân suy tàn của vương quốc Champa đã trở thành một chủ đề nóng bỏng mà mỗi nhà nghiên cứu thường nêu ra với những lý thuyết thiếu sự trung thực, chỉ dựa vào cảm tính và nhãn quan riêng tư của mình để giải thích cho sự bại vong của Champa.

Tựu trung, các lý thuyết này thường mang bố cục nhằm chứng minh rằng sự sụp đổ Champa chỉ là hậu quả của một quốc gia có bản chất háo chiến thường gây chiến tranh chống phá Đại Việt; một vương quốc phá sản, chỉ biết dùng tài nguyên của mình vào công trình xây cất đền đài nguy nga tráng lệ; một chính quyền chỉ biết nghĩ đến tranh chấp quyền hành giữa miền nam và miền bắc, v.v. Có chăng đây chỉ là cách lý luận phiến diện không có cơ sở khoa học. Vì rằng, sự sụp đổ vương quốc Champa có một nguyên nhân sâu xa của nó, bắt nguồn từ hai dân tộc láng giềng có hai nguồn văn hóa và nền văn minh khác nhau, có hai ý thức hệ về bang giao và chính trị khác nhau, có hai chủ thuyết về biên giới và chiến tranh hoàn toàn khác nhau, v.v. Sau đây là một số nguyên nhân chính yếu đã đưa vương quốc Champa vào con đường bại vong vào năm 1832.





Chủ thuyết bành trướng đất đai của vua chúa Đại Việt

Một khi đã giành được quyền độc lập và tự chủ vào thế kỷ thứ 10, Đại Việt (sau này là Việt Nam), một vương quốc chịu ảnh hưởng nền văn minh Trung Hoa, bắt đầu áp dụng chính sách thống trị nhằm biến các quốc gia láng giềng thành chư hầu của mình mà Champa là nạn nhân đầu tiên của chính sách “Nam Tiến” này. Chính sách thống trị của Việt Nam thời cổ có mục tiêu duy nhất đó là bành trướng đất đai của mình về phía nam mà các sử gia Âu Châu thường gọi đó là “chủ thuyết đế quốc” của vua chúa Đại Việt. Thế là xung đột quân sự giữa Đại Việt và Champa bắt đầu bùng nổ.

Trong những thời điểm của 5 thế kỷ ban đầu, chính sách xâm lăng của Đại Việt hoàn toàn dựa vào yếu tố quân sự. Từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15, Đại Việt chỉ tập trung vào trọng yếu quân sự để tấn công Champa. Tiếc rằng, chiến tranh của Đại Việt không phải là chiến tranh chinh phạt Champa, mà là chiến tranh xâm lược đất đai. Một khi gạt hái được chiến thắng quân sự, Đại Việt sáp nhập tức thời lãnh thổ Champa vào khu vực hành chính của mình và bắt đầu áp dụng chính sách Việt Nam hóa bằng cách biến dân tộc Champa trong khu vực bị chiếm đóng thành người Việt. Tất cả người Chăm sinh sống từ tỉnh Quảng Bình đến Cam Ranh hôm nay không còn biết nguồn gốc dân tộc họ là ai nữa và không còn biết nói tiếng mẹ đẻ của họ nữa là minh chứng cụ thể để chứng minh cho giả thuyết Việt Nam hóa của Đại Việt trong quá khứ.

Chỉ cần hai lần chiến thắng quân sự vào năm 1069 và 1471, Đại Việt nuốt trọn một phần lãnh thổ rộng lớn của Champa chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Bình Định. Trong khi đó, dưới thời vua Chế Bồng Nga (1360-1390), Champa đã hơn 7 lần chiến thắng quân sự ở Thăng Long, nhưng không bao giờ nghĩ đến việc xâm chiếm một mảnh nhỏ đất đai nào của Đại Việt. Điều này đã chứng minh rằng chủ thuyết xây dựng quốc gia của Đại Việt là chủ thuyết đế quốc theo nghĩa rộng của nó, có nghĩa là phương án chính trị nhằm thống trị và xâm chiếm đất đai của một dân tộc khác.

Trong tiến trình lịch sử, một quốc gia có bản chất đế quốc lúc nào cũng nắm phần thắng lợi





trên một quốc gia láng giềng, dù là hùng mạnh trên hai phương diện quân sự lẫn kinh tế, nhưng chỉ bám vào ý thức hệ chiến tranh chinh phạt nhằm đưa quân địch vào con đường suy yếu để họ không còn phương tiện quấy phá biên giới của mình nữa. Champa là một vương quốc chịu ảnh hưởng Ấn Độ Giáo, cũng như Campuchia, chỉ biết tôn vinh thức hệ chiến tranh chinh phạt, nhưng không bao giờ nghĩ đến chính sách xâm chiếm đất đai của dân tộc khác. Dựa vào các yếu tố đã đưa ra, chúng tôi tự đặt câu hỏi rằng có chăng chủ thuyết đế quốc của vua chúa Đại Việt đã trở thành một động cơ chính yếu đã đưa đẩy vương quốc Champa vào con đường bại vong vào năm 1832.

Nạn nhân của chủ thuyết “Thiên Tử”

Hoàn toàn khác hẳn với ý niệm thần quyền của vua chúa Champa, vua chúa Đại Việt, vì ảnh hưởng nền văn minh Trung Hoa tự phong cho mình là bậc “Thiên Tử” nhận lãnh sứ mạng của “Trời” chẳng những để cai trị dân tộc Việt mà phải có nghĩa vụ mở mang bờ cõi hầu làm sáng ngời uy quyền của mình trên năm châu bốn bể. Đó cũng điểm mấu chốt đã đưa chính sách bang giao giữa Đại Việt và Champa thành hai thế lực thù địch không bao giờ chấp nhận đội trời chung. Nhân danh là “Thiên Tử” phát nguồn từ nền văn minh Trung Hoa, Đại Việt luôn luôn tìm cách thống trị các nước lân bang nhằm biến họ thành các quốc gia chư hầu của mình. Thế là Champa, một quốc gia láng giềng của Đại Việt, đã trở thành món mồi đầu tiên của chủ thuyết “Thiên Tử” này.

Đối với Đại Việt, mọi trận chiến chống Champa chỉ là chiến tranh chinh phạt các nước chư hầu “man rợ” không cùng nền văn minh với người Việt, mọi thủ đoạn xâm chiếm đất đai của Champa chỉ là phong cách bộc lộ uy quyền của Đại Việt và được sự chấp thuận của “Trời”. Để đánh dấu cho sứ mạng thiêng liêng do “Trời” giao phó, Đại Việt có nghĩa vụ xua quân chiếm đất đai Champa.

Ngoài sứ mệnh của “Thiên Tử” mà chúng tôi vừa nêu ra, Đại Việt còn nuôi dưỡng một chủ thuyết chính trị khác rất là tích cực : càng thống trị các chư hầu để họ phải triều cống mình thì Đại Việt càng có lý do để chứng minh là vua chúa Đại Việt đã làm hoàn thành nghĩa vụ do





“Trời” giao phó. Hai nước láng giềng mà Đại Việt có thể dùng quyền lực quân sự để chinh phục nhằm đưa lãnh thổ này vào địa bàn chư hầu và đặt dưới quyền quản lý của mình, đó là Champa và Cao Miên.

Đối với Đại Việt, sự xâm chiếm Champa và Cao Miên còn là một phương thức nhằm giải thích rằng Đại Việt chẳng những có nghĩa vụ cai trị thần dân Việt, mà còn nhận thêm sứ mệnh của “Trời” để thống trị hai nước láng giềng chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ Giáo, tức là không cùng nền văn minh với người Việt nhằm mang lại cho họ “một kỷ cương mới, một nền văn hóa mới” của người Việt, một dân tộc luôn tự xưng mình là “con rồng cháu tiên” oai hùng, một dân tộc của “bốn ngàn năm văn hiến”.

Ngoài ra, chủ thuyết xâm lược đất đai các nước láng giềng đã trở thành một công cụ truyền truyền nhằm tôn vinh vua chúa Đại Việt là những nhân vật có một oai quyền vĩ đại, có nghĩa vụ quản lý thế gian này trong tinh thần “dung hòa và hữu nghị”; mang lại cho các dân tộc láng giềng “man rợ” một văn hóa mới, đó là nền văn minh cao độ của dân tộc Việt. Nhân danh là bậc “Thiên Tử”, vua chúa Đại Việt tự cho mình là người trung gian giữa thế giới vô hình và thế giới hiện tại để điều hành toàn diện nhân sinh trên trái đất. Phát sinh từ ý niệm của Trung Hoa, Đại Việt cho rằng mỗi bước tiến trong cuộc xâm chiếm đất đai của dân tộc láng giềng là mỗi bước tiến của nền văn minh Việt. Vì rằng, thế gian này không thể đón nhận một văn hóa nào khác ngoài văn hóa của dân tộc Việt. Qua phần nhận định này, chúng tôi tạm kết luận rằng, chủ nghĩa “Thiên Tử” của Đại Việt mang một bản chất rất là đế quốc đã đóng góp phần nào trong tiến trình của sự bại vong Champa.

Hậu quả các cuộc nội chiến giữa dân tộc Việt

Nam bắc phân tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn

Sau ngày sụp đổ thành Đồ Bàn vào năm 1471, lãnh thổ Champa bị thu hẹp lại ở tiểu vương quốc Panduranga, chạy dài từ Harek Kah Harek Dhei (Phú Yên) đến biên giới Biên Hòa. Một mặt đối phó với đất đai eo hẹp và sự suy yếu về mặt quân sự vì dân số quá ít ỏi, Champa phải đương đầu với tình thế chính trị hoàn toàn mới lạ, đó là sự ra đời của triều đại nhà Nguyễn ở





Thuận Hóa (từ Quảng Bình đến Bình Định) và sự bùng nổ cuộc nội chiến giữa chúa Nguyễn ở miền nam và chúa Trịnh ở phương bắc.

Vì không đủ tiềm năng để tiến quân chống chúa Trịnh phương bắc, chúa Nguyễn chỉ còn cách phát động phong trào Nam Tiến về phía nam, tức là về phía lãnh thổ Champa để củng cố thế lực quân sự và kinh tế của mình. Kể từ đó, Nam Tiến đã trở thành một công cụ của nhà Nguyễn nhằm phục vụ cho chiến tranh chống nhà Trịnh bằng cách vơ vét tài nguyên ở Champa để nuôi quân lính của mình, để giải quyết vấn đề kinh tế của dân tộc Việt quá nghèo đói, vì đất đai của đồng bằng Thuận Hóa quá chật hẹp.

Và Nam Tiến này càng tăng thêm tốc độ nhanh chóng hơn một khi chúa Nguyễn không thể phát huy phong trào Tây Tiến được, một khu vực mà dân tộc Champa sống ở Cao Nguyên không bao giờ chấp nhận bất cứ giá nào sự hiện diện của người Kinh trong lãnh thổ của họ cho đến năm 1955.

Nói tóm lại, sự hình thành một quốc gia có chủ quyền ở Thuận Hóa do nhà Nguyễn sáng lập vào thế kỷ thứ 17 đã đưa chính sách Nam Tiến sang một chiều hướng mới hoàn toàn khác hẳn với chính sách Nam Tiến của Đại Việt trước ngày sụp đổ thành Đồ Bàn vào năm 1471. Kể từ đó, Nam Tiến của triều Nguyễn đã trở thành một chủ thuyết đế quốc với mục tiêu duy nhất là nuốt trọn vương quốc Champa để làm bàn đạp tiến quân sang Cao Miên. Năm 1611 đánh dấu ngày xuất quân Nam Tiến đầu tiên của chúa Nguyễn. Hơn 40 vạn quân chính qui từ Thuận Hóa đưa sang với sự yểm trợ của đoàn quân dự bị cộng thêm các cư dân Việt sống gần biên giới, vượt đèo Cù Mông ở phía nam Bình Định để tấn công Aia Ru (Harek Kah Harek Dhei) của Champa sau đó biến khu vực vừa mới chiếm đóng thành phủ Phú Yên.

Bốn mươi hai năm sau, chúa Nguyễn lợi dụng thời điểm hòa bình với chúa Trịnh trong vòng 7 năm, xuất quân xâm chiếm Nha Trang vào năm 1653 và dời biên giới miền nam của mình đến Cam Ranh. Kể từ đó, Nha Trang trở thành hai đơn vị hành chính của người Việt, đó là Thái Khang và Diên Khánh.





Ba năm sau, tức là năm 1653, chúa Nguyễn xua quân xâm chiếm lãnh thổ Cao Miên ở Biên Hòa. Thế là kể từ năm 1653, Champa trở thành một lãnh thổ hoàn toàn bị bao vây, ở phía bắc giáp căn cứ quân sự nhà Nguyễn ở Cam Ranh và phía nam giáp căn cứ quân sự nhà Nguyễn ở Biên Hòa. Sự cô lập Champa trong đất đai của nhà Nguyễn kể từ năm 1653 đã giải thích phần nào sự bại vong của Champa trong những năm kể đến.

Cuộc nội chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh

Hết đương đầu với chiến tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, Champa bị lôi kéo vào một cuộc nội chiến khác giữa dân tộc Việt, đó là sự bùng nổ chiến tranh vào năm 1771 giữa phong trào Tây Sơn ở miền bắc và Nguyễn Ánh trấn thủ ở Sài Gòn. Cuộc nội chiến này đã biến lãnh thổ Champa (khu vực Phan Rang và Phan Rí) thành bãi chiến trường đẫm máu trong vòng 30 năm giữa hai thế lực thù địch của dân tộc Việt, một bên trung thành với Nguyễn Ánh còn bên khác thì ủng hộ phong trào Tây Sơn.

Năm 1773, Tây Sơn xua quân chiếm đóng Panduranga, trong khi đó Nguyễn Ánh rời bỏ ngai vàng vào năm 1775 chạy về miền nam lập mật khu ở Gia Định. Suốt 30 năm nội chiến, Tây Sơn biến Nha Trang thành khu vực địa đầu quân sự của mình, trong khi đó Nguyễn Ánh trấn thủ ở Gia Định. Hoàn cảnh địa dư này đã biến Champa thành một khu vực nằm giữa hai gọng kìm biên giới quân sự của Tây Sơn ở phía bắc và Nguyễn Ánh ở phía nam. Thế là vương quốc Champa phải đón nhận hàng năm sự hiện diện quân đội viễn chinh của Tây Sơn và Nguyễn Ánh trên lãnh thổ của mình. Lý do rất là giản dị, muốn tấn công Nguyễn Ánh ở Gia Định, Tây Sơn phải làm chủ quân sự ở Champa (khu vực Phan Rang và Phan Rí) trước. Về phía Nguyễn Ánh, muốn tấn công Tây Sơn ở Bình Định, Nguyễn Ánh phải xua quân chiếm đóng Champa trước tiên, sau đó mới có thể tiến quân đến Nha Trang được.

Năm 1776, với mục tiêu là tiến quân tấn công Nguyễn Ánh ở Gia Định, Tây Sơn phải chiếm đóng Panduranga trước tiên để làm căn cứ hành quân. Năm 1779, Nguyễn Ánh chiếm lại Panduranga trước khi xua quân tấn công Tây Sơn ở Nha Trang. Năm 1791, Tây Sơn trở lại





chiếm đóng Panduranga và năm 1793 Panduranga lại rơi vào tay của Nguyễn Ánh. Một năm sau (1794), Tây Sơn xâm chiếm lại Panduranga cho đến năm 1798.

Trong suốt cuộc nội chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, biên giới của vương quốc Champa hoàn toàn bị xóa bỏ trên bản đồ vì thiếu quân lực để phòng thủ. Thêm vào đó, mọi cơ cấu tổ chức chính trị và xã hội Champa hoàn toàn bị sụp đổ. Dân tộc Champa phải chấp nhận cúi lạy cả hai phe vừa Tây Sơn lẫn Nguyễn Ánh để bảo tồn tánh mạng. Các tầng lớp lãnh đạo Champa chia thành hai phe nhóm do hai thế lực thù địch người Việt tạo dựng ra. Vì rằng, một khi đã xâm chiếm Champa để làm cứ điểm quân sự, Nguyễn Ánh thành lập một chính quyền mới của vương quốc này tập trung những thành phần lãnh đạo thân cận với mình. Một khi tiến quân vào Champa, Tây Sơn lại ra lệnh thanh trừng gắt gao những phần tử người Champa theo Nguyễn Ánh để rồi thành lập một chính quyền khác mà cấp lãnh đạo chỉ là thành viên của Tây Sơn.

Sự thay đổi liên tục chính quyền trong thời điểm đó đã đưa mọi cơ cấu tổ chức quốc gia Champa đứng bên lề vực thẳm. Lợi dụng cơ hội này, hai phe thù địch Tây Sơn và Nguyễn Ánh tung hoành cướp phá tài nguyên Champa để phục vụ cho chiến tranh của mình và điều động thanh niên Champa xung phong vào chiến trường đẫm máu mà mục tiêu của chiến tranh này không liên hệ gì đối với họ. Trong khi đó, Champa lại đặt dưới quyền cai trị của một tầng lớp lãnh đạo mang tính cách bù nhìn, vì vương chức của họ hoàn toàn do Tây Sơn hoặc Nguyễn Ánh tấn phong. Sự kiện này đã chứng tỏ rằng, mọi cơ cấu tổ chức chính quyền ở Champa hoàn toàn bị sụp đổ. Lãnh thổ Champa chỉ là nơi đón nhận hàng ngàn quân lính của dân tộc Việt, luôn luôn tự cho mình là kẻ chiến thắng, thẳng tay bóc lột nhân dân Champa mà họ xem đó chỉ là những kẻ “man rợ” không cùng nòi giống với mình.

Nói tóm lại, Champa không còn tồn tại nữa với danh nghĩa là một quốc gia độc lập và tự chủ trong suốt cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh kể từ 1771 đến 1802. Thế là định mệnh của sự sống còn Champa không còn nằm trong tay của nhân dân Champa nữa, mà là tùy thuộc hoàn toàn vào kết quả của chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh.





Nội chiến giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt

Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, lên ngôi với tôn hiệu là Gia Long. Để tri ân những chiến sĩ đã từng đấu tranh bên cạnh mình, Gia Long tái lập lại vương hiệu Champa, sau đó phong cho Po Saong Nhung Ceng (tổ tiên của gia đình hoàng gia Bà Thềm ở Phan Rí), một tướng lãnh gốc người Chăm rất thân cận với Gia Long lên làm quốc vương Panduranga-Champa. Thế là từ năm 1802, Champa không còn là một quốc gia độc lập nữa mà là một lãnh thổ tự trị đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Việt Nam và hưởng quyền che chở rất là đặc biệt của hoàng đế Gia Long và tổng trấn Gia Định Thành là Lê Văn Duyệt được xem như là một ông phó vương ở miền nam thời đó.

Sau ngày từ trần của Gia Long vào năm 1820, hoàng đế Minh Mệnh đưa ra chính sách cai trị hoàn toàn ngược lại với chủ trương của Gia Long tức là phụ vương của ông ta. Minh Mệnh là một hoàng đế có tư tưởng chính trị rất là độc đáo dựa vào ý thức hệ trung ương tập quyền, luôn luôn chủ trương Quốc Gia Việt Nam là “một” và nhân dân Việt Nam phải là dân tộc có cùng với nền văn hóa và văn minh của người Việt.

Một khi lên ngôi, Minh Mệnh xóa bỏ hoàn toàn chính sách ưu đãi dành riêng cho vương quốc Champa do phụ vương của ông ta để lại và tìm cách ngăn chặn mọi ảnh hưởng của Lê Văn Duyệt ở vương quốc này.

Nhân danh một nhà tướng có công trạng lớn lao trong chiến tranh chống Tây Sơn và cũng là bạn thân của Gia Long, Lê Văn Duyệt vùng dậy phản đối chính sách Minh Mệnh và nhất quyết đứng ra bảo vệ vương quốc Champa cho tới cùng. Thế là sự khủng hoảng giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt bắt đầu bùng nổ và vương quốc Champa lại trở thành nạn nhân lần thứ 3 của cuộc chiến nội bộ giữa người Việt Nam thời đó.

Vì quá thân cận với Tổng Trấn Gia Định Thành là Lê Văn Duyệt hay là vì quá khiếp sợ trước uy quyền chính trị của ông ta, giai cấp lãnh đạo Champa thời đó không phục tùng hoàng đế Minh Mệnh nữa. Năm 1832, Lê Văn Duyệt từ trần, Minh Mệnh xua quân xâm chiếm Champa và trừng phạt vô cùng dã man giai cấp lãnh đạo Champa vì tội phục tùng Lê Văn Duyệt để rồi xóa





hần vương quốc này trên bản đồ Đông Dương. Thế là năm 1832 đánh dấu ngày sụp đổ hoàn toàn vương quốc Champa.

Trước làn sóng di dân người Việt

Ngoài chủ nghĩa “Thiên Tử” và bối cảnh lịch sử của các cuộc nội chiến ở Việt Nam mà chúng tôi vừa trình bày, Champa còn là nạn nhân của làn sóng di dân Việt sang phía nam kể từ thế kỷ thứ 10. Họ là những tội phạm, những kẻ phiêu lưu, những nông dân không đất đai để sinh sống, không công ăn việc làm, tìm cách thoát thân đi tìm tự do và cuộc sống mới ở vương quốc Champa, nơi vẫn còn nhiều khu vực phì nhiêu chưa có ai khai khẩn. Phong trào di dân này càng ngày càng mở rộng kể từ kỷ thứ 13, thời kỳ mà địa bàn dân cư sông Hồng càng ngày càng tăng gấp bội để rồi dân chúng không còn đất đai để canh tác. Để giải quyết nạn thiếu đất, dân Việt chỉ còn cách tìm đường tràn xuống phía nam, tức là Champa.

Phong trào di dân này càng đẩy lên kể từ thế kỷ thứ 17, thời kỳ mà dân Việt đang lâm vào nạn đói rách vì hạn hán hay mưa lũ, đương đầu với chiến tranh Nam-Bắc và tình hình thiếu an ninh vì nạn cướp bóc. Lợi dụng cơ hội này, chúa Nguyễn hô hào dân Việt xung phong vào đội ngũ để khai khẩn đất hoang ở khu vực biên giới phía nam của mình. Họ là nhóm “Đồn Điền”, tức là đội ngũ vừa làm dân, vừa làm chiến sĩ để phòng thủ đất đai chống lại sự quấy nhiễu Champa ở biên giới. Chúa Nguyễn còn khuyến khích thêm dân Việt nên vượt biên giới tràn sang Champa và Cao Miên.

Ban đầu, họ chỉ khai thác những khu đất hoang hay cấm kị (tabung) mà dân bản xứ Champa không canh tác. Sau đó, họ bắt đầu khai thác những khu vực phì nhiêu hơn do dân bản xứ bán nhượng lại cho họ.

Trong những thời gian đầu, tất cả dân cư Việt phải khép mình vào khuôn khổ luật pháp của Champa, có nghĩa là vua chúa của vương quốc này có quyền tuyệt đối, cả quyền sống chết đối với họ. Nhưng sau thế kỷ thứ 17, tình hình dân cư Việt ở Champa đang bước vào một khúc quanh mới. Lợi dụng sự hiện diện của họ trên lãnh thổ Champa, chúa Nguyễn bắt đầu nhúng tay vào nội bộ của vương quốc này với danh nghĩa là nhà nước Việt Nam có nghĩa vụ bảo vệ





quyền lợi cư dân Việt sinh sống ở nước ngoài. Sau đó, nhà Nguyễn tìm cách động viên họ để phục vụ cho mục tiêu chiến tranh chống Champa trong tương lai. Điển hình nhất là cuộc xâm lăng nhà Nguyễn nhằm xóa bỏ Champa trên bản đồ đầu tiên vào năm 1692 có sự tham gia đông đúc cư dân Việt sinh sống lâu đời ở vương quốc này.

Vì sức ép của sự vùng dậy nhân dân Champa vào năm 1693, nhà Nguyễn chấp nhận trao trả lại vương hiệu Champa vào năm 1694 với điều kiện là vua chúa Champa phải chấp nhận cho nhà Nguyễn thành lập phủ Bình Thuận đầu tiên trong biển giới Champa nhằm quản lý các cư dân Việt sinh sống ở vương quốc này. Kể từ đó, cư dân Việt này không còn là công dân của Champa nữa, mà là dân Việt của triều Nguyễn. Phủ Bình Thuận không có biên giới nhất định mà chúng tôi gọi đó là “biên giới da beo”, tập trung tất cả các thôn xóm dân tộc Việt nằm rải rác trên lãnh thổ Champa. Đây là một địa bàn cư dân rất là phức tạp đối với nhà nước Champa thời đó. Và địa bàn cư dân này đã trở thành một công cụ hữu hiệu nhằm giúp nhà Nguyễn thôn tính Champa bất cứ lúc nào mà họ cần.

Bên lề qui chế hành chính đặc biệt này, sự hiện diện của cư dân Việt còn có một hậu quả khác đó là vai trò của họ trong guồng máy kinh tế ở Champa thời đó. Vì quá nghèo túng, dân bản xứ Champa thường hay vay mượn tiền bạc của cư dân Việt với chỉ số tiền lời định giá hơn 150% năm. Một khi dân bản xứ Champa không thể trả nổi nợ nần, người Việt xiết đất đai và gia tài của họ như đã ghi trong hợp đồng. Chính sách vay mượn này đã đưa dân bản xứ Champa đi vào con đường nghèo túng đến lúc họ phải bán chông con của họ cho người Việt để thanh toán vấn đề vay mượn.

Ngoài vấn đề khủng hoảng kinh tế, sự hiện diện của cư dân Việt đã đưa cơ cấu tổ chức thôn xóm và xã hội của người Champa vào một khúc quanh mới và khuyếch đại thêm sự xung đột giữa cư dân Việt và dân Champa bản xứ.

Dựa trên quyền uy của nhà Nguyễn, dân cư Việt bắt đầu cư xử như một dân tộc chiến thắng. Họ sẵn sàng tiếp tay với triều đình Huế bất cứ lúc nào mà nhà Nguyễn cần đến họ. Đối với nhà Nguyễn, chiến lược nhằm tiêu diệt Champa có hiệu quả nhất không phải là giải pháp quân sự





mà là giải pháp chính trị, có nghĩa là nhà Nguyễn động viên cư dân Việt ở phủ Bình Thuận phát huy chương trình khai khẩn đất hoang để làm chủ đất đai, độc quyền trong bộ máy thương mại, kiểm soát hoàn toàn mạch máu kinh tế ở vương quốc này.

Vừa đối phó với dân cư thưa thớt, đất đai nhỏ hẹp, quân sự suy yếu, vương quốc Champa không còn đủ khả năng để bảo tồn tư thế độc lập của mình nữa một khi kinh tế của vương quốc này hoàn toàn bị bao vây bởi cư dân Việt ở phủ Bình Thuận. Đó cũng là điểm đáng chú ý trong tiến trình lịch sử của sự bại vong Champa vào năm 1832.

Chính sách bế môn tỏa cảng

Trước năm 1471, Champa là hải cảng quan trọng trên đường hàng hải nối liền biển Nam Hải và Ấn Độ Dương, cũng là nơi tập trung nhiều tàu bè của các thương thuyền quốc tế. Sau năm 1471, vương quốc này chỉ là một địa thế phụ thuộc trong hệ thống giao thương hàng hải. Sau ngày thất thủ Phú Yên (Harek Kah Harek Dhei) vào năm 1611, và Nha Trang (Aia Trang) vào năm 1653, chúa Nguyễn đã kiểm soát hoàn toàn khu vực hải cảng Champa ở miền nam mà chúng tôi gọi là mạch máu kinh tế và chính trị của vương quốc này.

Một khi đã xâm chiếm Phú Yên và Nha Trang, các tàu bè quốc tế không còn ghé bến Champa nữa. Đó cũng là yết tố quan trọng để giải thích rằng tại sao Champa hoàn toàn bị cô lập không còn đường dây liên lạc với các nước láng giềng kể từ thế kỷ thứ 17.

Một khi bị trục xuất ra khỏi trục giao thông hàng hải quốc tế, Champa đã trở thành một quốc gia hoàn toàn nằm trong gọng kềm của dân tộc Việt. Thế là định mệnh sống còn của Champa không còn nằm trong tay của tập thể lãnh đạo của vương quốc này nữa mà là tùy thuộc vào lòng ưu ái của nhà Nguyễn đối với vương quốc này.

Chính sách mỹ nhân kế

Sống trong một chế độ phong kiến, quốc trưởng Champa, cũng như quốc vương ở các nước Đông Phương, thường kết hôn với công chúa gốc người nước ngoài. Đối với Champa, sự hiện





diện của công chúa nước ngoài trong cung đình không mang ý nghĩa như một món quà đổi chất mà là một sự liên kết tình thân hữu giữa hai quốc gia. Sự kết hôn giữa công chúa của nước Đa Đảo (Jawa) và vua Champa là Jaya Sinha varman III (Chế Mân, -1307) thường biểu dương cho chính sách bang giao thân hữu giữa hai quốc gia hơn là một cuộc tình trong nghĩa rộng của nó.

Nói đến cuộc kết hôn giữa quốc vương Champa và công chúa xuất thân từ nước ngoài, thì người ta phải nói đến cuộc tình giữa vua Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa. Năm 1301, nhân dịp viếng thăm Champa, thượng hoàng Trần Nhơ Tôn hứa gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân để đổi lấy hai châu ô và Lý (khu vực tỉnh Thừa Thiên). Năm 1306, Huyền Trân Công Chúa sang Champa. Một năm sau, tức là 1307, Chế Mân từ trần mà tư liệu lịch sử không nói rõ nguyên nhân. Việc có lẽ phải đến bãi bể để cầu nguyện trước khi lên dàn hỏa với Chế Mân theo phong tục của Champa, Trần Khắc Chung chờ sẵn gần bờ biển để đưa Huyền Trân chạy trốn về Đại Việt.

Sự hiện diện của Trần Khắc Chung tại bãi bể và thái độ chạy trốn của Huyền Trân Công Chúa trong lúc người chồng của mình vừa từ trần đã đưa các nhà khoa học đặt ra bao nghi vấn : có chăng sự từ trần của Chế Mân không phải là vấn đề tuổi thọ quá cao mà là có sự nhúng tay của Đại Việt trong biến cố này mà Huyền Trân Công Chúa chỉ là người nhận lệnh để thực hành dự án ám hại vua Chế Mân. Nếu không, Huyền Trân Công Chúa có tội gì mà phải chạy trốn?

Vì nhan sắc của một cô gái Việt, vương quốc Champa phải nhượng cho Đại Việt hai châu Ô và Lý (khu vực Huế-Thừa Thiên) thì đúng là món quà quá đắt. Sau cuộc tình Chế Mân, Champa còn là nạn nhân của một cặp vợ chồng khác đó là cuộc kết hôn giữa vua Champa là Po Romé (1627-1651) và Ngọc Khoa, công chúa nhà Nguyễn mà sử liệu tiếng Chăm gọi là Bia Ut (công chúa miền bắc).

Sự hiện diện của Bia Ut trong triều đình Champa thời đó có một vai trò khác hẳn với Huyền Trân Công Chúa. Theo truyền thuyết của Champa, Bia Ut đến vương quốc này với một sứ mạng mà nhà Nguyễn đã giao phó, đó là làm thế nào để Po Romé chặt bỏ cây Kraik, biểu





tượng cho thần quyền trấn giữ vương quốc này. Nhưng sự thật, Bia Ut đến Champa chỉ làm nhà trình thám nhằm báo cáo cho nhà Nguyễn biết mọi chi tiết liên quan đến tổ chức chính trị và quân sự của quốc gia này. Sau khi nhận đủ tin tức, nhà Nguyễn xuất quân tấn công Po Romé. Trong cuộc chiến này, Po Romé bị quân nhà Nguyễn vây bắt đem nhốt trong rọ sắt để khiêng về Thuận Hóa với sự chứng kiến của một số nhà truyền đạo Tây Phương ở Champa.

Sau biến cố này, triều đình Champa kết tội tử hình Bia Ut và tạc tượng bà ta với cái đầu nhúi xuống đất để hậu thế không quên lịch sử của công chúa người Việt đóng vai mỹ nhân kế này. Ba năm sau ngày thất trận của Po Romé, tức là năm 1653, quân nhà Nguyễn xua quân xâm chiếm Nha Trang và dời biên giới miền nam của mình đến Cam Ranh. Thế là vương quốc Champa chỉ còn vồn vện trong khu vực Phan Rang và Phan Rí.

Hai chủ thuyết chiến tranh đối ngược

Đại Việt và Champa là hai nước láng giềng có hai chủ thuyết chiến tranh hoàn toàn đối ngược nhau. Là một vương quốc hấp thụ nền văn minh Ấn Độ Giáo, chiến tranh của Champa chống nước láng giềng là chiến tranh chinh phạt để làm suy yếu đi sức mạnh quân sự và chính trị của phe địch, chứ không phải là chiến tranh chiếm đất đai. Chủ thuyết này đã biểu lộ rõ rệt trong thời Chế Bồng Nga. Hàng năm, Chế Bồng Nga xuất quân ra miền bắc đốt phá thành Thăng Long sau đó rồi kéo quân trở về, nhưng Chế Bồng Nga không bao giờ nghĩ đến chính sách chiếm đất đai Đại Việt để sát nhập vào lãnh thổ của mình. Nếu Champa áp dụng chủ thuyết chiến tranh nhằm chiếm đất đai thì vương quốc Đại Việt đã bị xóa hẳn trên bản đồ vào cuối thế kỷ thứ 14 rồi.

Ngoài ý niệm chinh phạt, chiến tranh của Champa chống nước láng giềng thường mang một yếu tố tín ngưỡng rõ rệt, đó là tàn phá những gì có liên hệ đến uy quyền thần linh của quốc gia phe địch. Nếu Champa đốt phá thủ đô Thăng Long, vì đây là trung tâm chính trị của Đại Việt; đập tan các nơi thờ phượng thần linh, vì đó là các thần giữ nước non của Đại Việt, v.v. Đối với Champa, đập tan thần linh phe địch tức là biểu tượng cho sức mạnh thần linh của mình. Chính vì thế, sau ngày thắng trận, vua chúa Champa thường hay xây đền dựng tháp, dâng lễ vật cho





thần linh để bày tỏ sự tri ân của mình.

Ngoài màu sắc tín ngưỡng này, Champa còn có một qui luật riêng liên quan đến chiến tranh, đó là không bao giờ dùng chiến lược “dương đông kích tây” hay nói một cách khác tìm cách đánh lén lút sau lưng địch. Mỗi lần xuất quân, Champa phải hẹn hò trước với phe địch về ngày tháng nhất định và nơi chốn của bãi chiến trường. Vì quá trọng nhân cách “Quân Tử” trong trận chiến, Champa thường hay vấp phải những thất bại nặng nề.

Đối với Đại Việt, ý niệm về chiến tranh hoàn toàn đối ngược. Chiến tranh là trận chiến quân sự không có mục tiêu chinh phạt phe địch theo nghĩa rộng của nó, mà là để chiếm đoạt tài sản và đất đai của phe địch để sáp nhập vào lãnh thổ của mình.

Nói đến chiến tranh, Đại Việt thường hay áp dụng mọi chiến lược, mọi tính toán và mưu mô như “dương đông kích tây” v.v. nhằm che mắt hay lừa phe địch trong những cú đánh bất ngờ hòng dễ dàng phá tan phe địch cho bằng được. Chính vì thế, chiến tranh của Đại Việt luôn mang màu sắc đế quốc, tức là dùng sức mạnh quân sự để mở rộng bờ cõi đất nước của mình. Một khi đã chiếm đất đai, Đại Việt áp dụng chính sách đồng hóa ngay dân bản xứ để họ trở thành người Việt thật sự có cùng văn hóa Việt.

Chỉ cần vài thế kỷ, chính quyền Đại Việt đã lột bỏ hoàn toàn tâm linh và tiếng nói của dân tộc Champa sống trên giải đất bị chiếm đóng từ Quảng Bình đến Cam Ranh, không phải bằng bạo lực mà là bằng cách đồng hóa họ để rồi họ không còn nhận diện đâu là nguồn gốc lịch sử của họ nữa. Hôm nay, không có một người Champa nào sống ở miền trung Việt Nam còn biết nói tiếng Chăm là một bằng chứng cụ thể.

Đối với Đại Việt, chiến tranh không phải công cụ để đốt phá nơi thờ phượng thần thánh có uy quyền của phe địch, mà là tàn phá những gì thuộc về phe địch dù đó là trung tâm chính trị (tức là thủ đô), dù đó đền đài hay người dân vô tội đi nữa. Nói tóm lại, chủ thuyết chiến tranh của Đại Việt đã đóng góp phần nào rất là tích cực trong tiến trình của sự suy tàn Champa kể từ thế kỷ thứ 10 đến năm 1832.





Ý niệm về biên giới: “một tất đất, một tất vàng”

Nói đến ý thức hệ về biên giới, Champa và Đại Việt cũng là hai nước láng giềng có ý niệm hoàn toàn khác biệt.

Đối với Champa, biên giới là nơi giới hạn lãnh thổ của mình đặt dưới quyền bảo hộ của thần linh. Biên giới Champa là biên giới tín ngưỡng, luôn luôn cố định không thể xô dịch và không ai có quyền vượt biên giới này mà không có sự đồng ý của thần linh. Nếu Chế Bồng Nga không nuốt trọn đất đai của Đại Việt một khi đã đánh bại phe địch, vì rằng quốc vương này không giám nới rộng biên giới Champa ra miền bắc, vì sợ thần linh Champa không cho phép.

Ý niệm biên giới cố định mang bản chất thần quyền này còn thể diện qua các dấu ấn rõ rệt ở Champa. Mặc dù cùng sống chung trong quốc gia Champa, người Chăm ở đồng bằng, dù là đất đai rất là chật hẹp, họ không bao giờ giám vượt biên giới của khu vực mình để tràn lên cao nguyên sinh sống. Biên giới tín ngưỡng này cũng còn biểu lộ một cách rõ rệt trong cuộc sống của dân tộc Chăm ở khu vực Panduranga trước năm 1975.

Một thí dụ điển hình đó sự kết hôn giữa người Chăm Phan Rang và Phan Rí thường ít khi xảy ra. Vì rằng, người con trai không muốn vượt ra khỏi biên giới của “quê cha đất tổ” mình để lấy vợ ở khu vực khác.

Ngoài biên giới khu vực, người Chăm còn có biên giới thần quyền rất rõ rệt của mỗi làng xã. Chính vì thế, họ luôn luôn chấp nhận sống chằng chịt, nhà này kế sát nhà kia trong ranh giới thôn xóm của mình, và họ không chịu nới rộng thêm biên giới thôn xóm này mặc dù họ là chủ nhân đất đai rộng lớn bao la tọa lạc ngay trước cổng làng của mình, để rồi sau năm 1975 người Chăm không còn một miếng đất để xây dựng nhà cửa. Vì không nắm vững ý niệm về biên giới, một số nhà viết lách tưởng rằng người Chăm có bản chất kỳ thị người ngoài làng lấy vợ làng ta.

Vì quá trung thành với ý niệm về “quê cha đất tổ”, dân tộc Champa trở thành một nhóm người thụ động sống quanh quẩn trong khu vực mà họ cho đó là biên giới thần quyền không ai có





quyền di chuyển hay xê dịch. Đối với dân tộc Việt, biên giới là nơi giới hạn của một lãnh thổ, nhưng biên giới này không mang yếu tố thần quyền, luôn luôn co giãn tùy theo không gian và thời gian. Vì không mang yếu tố thần quyền, Đại Việt có quyền nói rộng biên giới của mình đến bất tận nếu họ có đủ khả năng để bảo vệ. Chính vì thế, biên giới Đại Việt chỉ là biên giới kinh tế và quân sự luôn luôn co giãn. Trên lý thuyết, dân tộc Việt cũng có ý niệm về “Quê Cha Đất Tổ”, nhưng ý niệm này chỉ là một hiện tượng chứ không phải là bản chất của dân tộc Việt. Vì rằng, dân tộc Việt luôn luôn có một ý thức hệ rõ rệt về giá trị đất đai. Trong tiềm thức của dân tộc Việt, họ luôn luôn nghĩ rằng : “một tấc đất, một tấc vàng”. Từ ý thức hệ đó, dân tộc Việt xô nhau xâm chiếm Champa ở miền nam để biến đất đai thành “hàng trăm cây số vàng”. Chúng tôi gọi đó là bản chất bành trướng (nature expansionniste) của dân tộc Việt trong nghĩa rộng của nó.

Nói tóm lại, ý niệm về biên giới co giãn và linh động của Đại Việt cũng là một trong những nguyên nhân đã đưa Champa đến sự bại vong. Gò bó trong truyền thống tín ngưỡng : Trước thế kỷ thứ 15, Bà La Môn Giáo là quốc giáo ở Champa, nhưng tôn giáo này chỉ dành riêng cho gia đình hoàng gia và vua chúa mà thôi. Người dân thông thường không thể theo tôn giáo của vua chúa được.

Vì không thể trở thành người Bà La Môn Giáo được, quần chúng Champa phải tin vào một tín ngưỡng riêng biệt mà chúng tôi gọi đó là tín ngưỡng dân gian. Phong cách sinh hoạt tôn giáo người Chăm hôm nay ở khu vực Panduranga là thí dụ điển hình. Tín ngưỡng dân gian này rất là đa dạng không mang một lý thuyết đồng nhất, nhưng luôn luôn gắn liền với một số di tích tín ngưỡng như Bimong Kalan (đền tháp), Kut (mộ phần của Chăm Ahier), Ghul (nghĩa trang Chăm Awal) hay Ciet Praok Patra (tổ tiên của thị tộc) nơi tập trung các thần quyền rất là bảo thủ không bao giờ cho phép người Chăm mang các di sản tín ngưỡng này theo họ để định cư nơi khác vì lý do gì đó.

Người Việt là dân tộc theo đạo phật và tục thờ cúng tổ tiên, một tín ngưỡng rất là linh động, không qui luật gắt gao và cũng không bao giờ ngăn cấm dân Việt phải giẫm chân một chỗ ở “Quê Cha Đất Tổ”. Tín ngưỡng này còn cho phép dân tộc Việt cái quyền di chuyển và định cư





bất nơi nào hay sinh sống bất cứ ở nước nào, và mang cả ông Phật hay bàn thờ tổ tiên đi theo mình, dù trong xe đò hay chở bằng máy bay sang hải ngoại.

Sự linh động của tín ngưỡng này đã đưa dân Việt dẫn thân vào mọi cuộc phiêu lưu nhằm tìm nơi sinh kế, chiếm cứ đất đai để lập nghiệp. Nói tóm lại, trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, ông Phật và tổ tiên phải có nghĩa vụ đi theo dân cư Việt để sinh sống chứ không phải dân cư Việt giẫm chân lại một chỗ như dân tộc Champa để thờ phượng các thần linh này.

Có chăng sự suy tàn của Champa cũng có một phần nào phát xuất từ truyền thống tín ngưỡng mà thần linh là những nhân vật quá bảo thủ không chấp nhận vượt ra khỏi biên giới cổ truyền để phát huy kế hoạch kinh tế được xem như là mạch máu của một quốc gia thời đó. Thể chế liên bang thời phong kiến Gần đây, một số nhà nghiên cứu, vì ít tiếp cận với các bài nghiên cứu chuyên sâu về Champa, cho rằng Champa là quốc gia thống nhất, có thể chế trung ương tập quyền theo kiểu mẫu của Phương Đông. Đây là quan điểm sai lầm mang tính chất phi khoa học, vì các tác giả này không đưa ra một dữ kiện lịch sử nào để minh chứng cho lý thuyết của mình.

Trong quá trình lịch sử của Champa, triều đại Bhadravarman I (380-413) là vương triều duy nhất đã xây dựng thể chế chính trị Champa dựa theo hệ thống quốc gia thống nhất và trung ương tập quyền theo kiểu Đại Việt và Trung Hoa. Tiếc rằng, thể chế này chỉ xảy ra trong vòng 33 năm dưới triều đại Bhadravarman, không đủ để kết luận một thể chế chính trị của vương quốc Champa được.

Kể từ đầu thế kỷ thứ 20 cho đến nay, tất cả chuyên gia về Champa học đều công nhận rằng Champa không phải là quốc gia thống nhất, trung ương tập quyền, mà là một vương quốc liên bang tập trung bốn tiểu vương quốc rõ rệt đó là Amaravati, Vijaya, Kauthara và Panduranga. Mỗi tiểu vương quốc có vua chúa riêng, hành chính riêng và cách điều hành riêng.

Trong nhóm bốn tiểu vương quốc đó, Panduranga là một tiểu vương quốc ở miền nam mang nhiều yếu tố chính trị, hành chính và quân sự rất là rõ rệt nhằm biểu tượng cho thể chế liên bang Champa thời đó. Mặc dù chấp nhận chung sống trong liên bang Champa, Panduranga thường





hay đứng lên chống chính phủ liên bang để bảo đảm thể chế tự trị của mình và đôi lúc vùng dậy đòi quyền độc lập riêng rẽ.

Đứng đầu cho vương quốc liên bang là Rajadiraja (vua của vua) chứ không phải là Patao như một số nhà viết lách đưa ra. Thuật ngữ Rajadiraja (vua của vua) có một nghĩa rất là rõ rệt đó là quốc trưởng này chỉ là người đại diện cho các vua ở tiểu vương quốc chứ không phải để cai trị các vua chúa ở tiểu vương quốc này.

Muốn trở thành Rajadiraja (vua của vua) tức là quốc vương liên bang, ông vua này thường hay dựa vào thế lực kinh tế, quân sự của mình để buộc các tiểu vương quốc khác phải thần phục. Mặc dù mang chức năng Rajadiraja (vua của vua), nhưng quốc trưởng này chỉ là nhân vật đại diện cho Champa trên phương diện pháp lý ngoại giao, vì ông ta không có quyền gì trên tiểu vương quốc khác nếu vua của tiểu vương quốc này không chấp thuận.

Thể chế này còn thể hiện một cách rõ rệt ở liên bang Mã Lai hôm nay tập trung 9 vua của tiểu vương quốc. Tổ chức liên bang Champa dưới thời phong kiến có một ưu điểm về thể chế phân quyền.

Mỗi địa phương tự quyết định lấy chính sách cai trị của mình, hành chính và thuế má của mình. Nhưng thể chế này thường hay đưa đến những cuộc tranh chấp công khai giữa trung ương và địa phương vì vấn đề gì đó, nếu quốc trưởng Champa không có đủ sức mạnh để chinh phục các tiểu vương quốc khác. Đây là hậu quả chung của một số quốc gia ở khu vực Đông Nam Á có thể chế quốc gia liên bang như vương quốc Lào, vương quốc Mã Lai, v.v.

Thể chế liên bang Champa còn có một tai hại khác. Vì cơ cấu tổ chức này không phát huy mạnh mẽ được ý thức hệ đoàn kết của một dân tộc và thường làm suy yếu đi tiềm năng quân sự của một quốc gia một khi vương quốc này tấn công bởi nước láng giềng.

Sự kiện này thường biểu lộ rõ rệt trong sự liên hệ giữa tiểu vương quốc Panduranga và chánh quyền trung ương Champa thời đó. Một thí dụ điển hình đó là trong bao lần Đại Việt hay Cao Miên xua quân tấn công thủ đô Vijaya, Panduranga chỉ ngồi im để làm nhân chứng lịch sử. Vì





tiểu vương quốc này cho rằng đó không phải là vấn đề của họ mà là vấn đề của các tiểu vương quốc ở miền bắc. Thế là ý thức hệ bảo vệ một quốc gia Champa thống nhất nhằm chống lại sự xâm lăng của ngoại bang, hoàn toàn tùy thuộc vào tình hữu nghị giữa quốc trưởng Champa (Rajadiraja) ở trung ương và các vua chúa của tiểu vương quốc.

Chế Bồng Nga là nhân vật duy nhất trong lịch sử đã thành công huy động các lực lượng ở tiểu vương quốc vào chiến tranh chống Đại Việt trong những năm 1360 và 1390. Sự thành công này có một nguyên nhân chính đáng của nó, vì Chế Bồng Nga là một quốc trưởng có một uy quyền lớn lao mà các tiểu vương quốc nào cũng thần phục.

Sự suy tàn của vương quốc Champa còn có một nguyên nhân khác nữa đó là Champa trở thành nạn nhân của truyền thống văn hóa người Việt. Vì trung thành với chủ thuyết bá chủ và bá quyền, Đại Việt không ngần ngại xóa bỏ Champa trên bản đồ Đông Dương để rồi biến vương quốc này thành một đơn vị hành chính của mình. Để tiến đến mục tiêu, Đại Việt không ngần ngại sử dụng bất cứ mưu đồ chính trị nào, ngay cả mỹ nhân kế, để nuốt trọn giải đất Champa này.

Chính sách dùng cư dân Việt sinh sống ở Champa để phục vụ cho mưu đồ chiến tranh xâm lược chống lại nhân dân Champa cũng là một yếu tố quan trọng để giải thích cho sự suy tàn này. Chính sách xâm chiếm đất đai Cao Miên ở miền nam nhằm cô lập hoàn toàn Champa, trước khi vùng lên tiêu diệt vương quốc này cũng là mưu đồ đáng chú ý trong tiến trình của sự suy tàn Champa. Chính sách lợi dụng nội chiến giữa người Việt để cướp phá tài nguyên Champa, để xâm lấn dần dần đất đai Champa và cuối cùng để xóa bỏ vương quốc này trên bản đồ cũng là một trong những bản chất của dân tộc Việt đã đưa vương quốc Champa vào con đường suy vong vào năm 1832. (Trích tp. Pgs ts: Po Dharma)

Năm 1832 đánh dấu sự diệt vong toàn diện của vương quốc Champa, nhưng cộng đồng Champa vẫn còn đó: một cộng đồng không vua chúa, không người lãnh đạo. Chính vì thế, tiến trình của xã hội Champa sau ngày mất nước đã đi vào một khúc quanh mới, một khúc quanh mà tôi cùng mọi người, một người champa, tiền thân Malayo Polynésien mong muốn rằng: hãy





bỏ qua đi những xung đột quá khứ, mà hãy học hỏi những gì tốt đẹp trong quá khứ để cùng nhau hướng đến tương lai tốt đẹp hơn.

Gần hơn 300 năm qua , nền văn hóa Champa đã bị tàn phá nặng nề bởi thời gian, không gian và do chính cả con người. Dân tộc Champa có chiều dài lịch sử gần 400.000 năm, từ nền văn minh đồ đá Bàu trá, trải qua nền văn minh kim khí Sa Huỳnh và 20 thế kỉ cận đại. Là một quốc gia có nền văn minh ra đời sớm và bật nhất Đông Nam Á, nhưng giờ đã tàn lụi dần theo thời gian. Cả chữ viết và ngôn ngữ cũng dần bị chôn vùi. Nền kiến trúc và điêu khắc xưa chỉ còn lại là những di tích đền tháp tan dần theo thời gian. Các ngành nghề nổi tiếng cả thế giới của dân tộc Champa giờ cũng chỉ còn mai một.

Và tôi đau buồn nhất chính là thế hệ trẻ dân tộc champa quay lưng lại với các di sản cha ông của dân tộc mình để lại. Trên cõi đời này ai cũng có đôi lần vấp ngã, những ai vấp ngã thì phải xác định ta vấp ngã vì đường đời hay vấp ngã vì chính vũng lầy ta tạo nên. Ta sinh ra trên cõi đời này điều có anh em, cha mẹ, ông bà, họ hàng, dòng tộc, thủy tổ. Vậy dòng máu ta chảy từ đời này là sự chắc lọc từ bao đời đi trước để ta thừa hưởng cho ngày hôm nay. Dân tộc, thủy tổ, họ hàng, ông bà, cha mẹ đi trước đã hy sinh chống lại vô vàn thiên tai, dịch bệnh , chiến tranh chính vì sự trường tồn hôm nay của chúng ta. Là thế hệ hôm nay, chúng ta phải phát huy tố chất cha ông để lại, gìn giữ, sáng tạo thêm nữa, học hỏi nền khoa học hiện đại để sánh vai cùng các dân tộc anh em tiến bộ, giữ vai trò tiên phong cho dân tộc. Tương lai của cộng đồng champa hôm nay và mai sau chính là nỗ lực không mệt mỏi của đội ngũ tiên phong trí thức, sinh viên, học sinh của ngày hôm nay.

Ngay trong những giây phút tối đen tận cùng nhất của dân tộc, chúng ta biết rằng rồi nó sẽ qua. Nhưng bình minh sẽ không tự nó mà đến. Một ngày mai sáng lạn cần phải có nhân tố, cần phải có sự hy sinh của chính chúng ta ngày hôm nay. Nếu không thì rồi cũng sẽ có sự đổi thay, nhưng đó sẽ lại là sự thay đổi trong sự diệt chủng một dân tộc, trong việc xóa tên trên bản đồ một đất nước, Cái bài học ngày nào vẫn còn đó.





Champa không thời nào là thiếu những người dù biết là khó khăn, nhiều khi là bất khả thi, nhưng vẫn dấn thân đóng góp cho đại cuộc. Phần nhiều lịch sử sẽ không biết họ là ai, và họ cũng không cần lịch sử ghi danh. Nhưng chắc chắn những đóng góp đó dù ít dù nhiều sẽ là những cái nhân cho các diễn tiến trong mai sau.

Có thay đổi nào mà đã không có những cái nhân nằm sẵn trong sự việc trước đó, tạo thành nhịp cầu giữa cũ và mới? Có ai đoạn tuyệt hoàn toàn được với quá khứ? Những đóng góp, hy sinh của người dân tộc Champa ngày hôm nay sẽ tiếp nối cái hào hùng, bất khuất của dòng giống.

Thành hay bại, chưa ai biết trước được, nhưng ta biết chắc chắn một điều là nếu nền văn hoá Champa mất đi thì ta chỉ có thể tự trách mình, và con cháu chúng ta sẽ đòi đòi nguyên rủa cha ông chúng.

Để đạt được một cộng đồng champa mạnh mẽ phát triển, cộng đồng nên luôn luôn đoàn kết, gạt qua những bất đồng chính kiến, tôn giáo, hướng đến tương lai. Đội ngũ trí thức chăm hôm nay là đầu tàu cho tương lai cộng đồng champa trong hiện tại và tương lai. Lãnh đạo cộng đồng champa không những cần con người phải có tài, có tâm, mà cần có cả tầm nhìn chiến lược, định hướng phát triển cho cả cộng đồng. Thế hệ trí thức, sinh viên, học sinh champa cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa phát huy những di sản cha ông để lại, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa, kĩ thuật hiện đại của toàn cầu phục vụ cho cộng đồng ngày càng phát triển tốt đẹp hơn

Nguồn: thuyetminhdulich

